

Thái Kim Định & nhiều tác giả sưu tầm - biên soạn



CHUYỆN KỂ về **BÁC HỒ**



Nhà xuất bản Nghệ An



Chuyện kể
về **BÁC HỒ**

TẬP 3
THÁI KIM ĐỈNH
(Sưu tầm và biên soạn)

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hưởng ứng cuộc vận động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam “Sống, làm việc theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Nhà xuất bản Nghệ An cho tái bản bộ sách “Chuyện kể về Bác Hồ”.

Nhà nghiên cứu Thái Kim Định và một số tác giả khác đã sưu tầm những câu chuyện kể về Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước cho đến tận thời điểm Người ra đi đến với “Mác, Lênin thế giới người hiền” (chữ dùng của Tố Hữu). Mỗi câu chuyện kể là một nét khắc họa chân dung vị lãnh tụ vừa vĩ đại thanh cao vừa đằm dị gần gũi “là Cha là Bác là Anh - (Tố Hữu)” thân thương của dân tộc Việt Nam. Thông qua những hồi ức, những kỉ niệm của những người đã từng có thời gian cùng làm việc hoặc được gặp gỡ Bác, chúng ta càng hiểu sâu thêm, càng kính trọng hơn một nhân cách lớn của dân tộc và của thời đại.

Các câu chuyện không chỉ thể hiện tình cảm yêu mến của nhân dân ta dành cho vị lãnh tụ dân tộc mà trong đó còn chứa đựng những bài học lớn về Con Người với chữ viết hoa và tư tưởng



Hồ Chí Minh, những phác hoạ quý tu để tạo nên vóc dáng của Người Anh Hùng Dân Tộc và Danh Nhân Văn Hoá.

Tuy nhiên, dù rất cố gắng, các tác giả vẫn không thể vẽ nên một chân dung Hồ Chí Minh trọn vẹn, Nhà xuất bản mong bạn đọc xa gần góp ý bổ sung, nhất là những tư liệu mới, để cuốn sách viết về Bác Hồ kính yêu ngày càng thêm phong phú hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc bộ sách này.

NHÀ XUẤT BẢN NCHỆ AN



Ba tiếng Hồ Chí Minh
đã trở thành như một truyền thuyết
PHRÊDRIC EBE (Đức)

Con người mảnh khảnh
Với chòm râu dài từ trong rừng bước ra,
gậy cầm tay,
Áo vắt vai, không phải ai khác
Mà chính là cụ Hồ Chí Minh truyền thuyết.
U. BOCSÉT (Úc)



MỘT CÁI TẾT XA QUÊ

Bao nhiêu năm sống và hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Bác Hồ đều ăn Tết xa quê. Nhưng từ khi về nước, Bác đã quen những cái Tết được gần gũi với chiến sĩ, đồng bào, cán bộ, với các cháu thiếu nhi, nên cái Tết Mậu Thân (1968) phải xa quê, Bác không “quen” được...

Ngày 1-1-1968, buổi sáng đi thăm một số nơi ở Thủ đô bị máy bay Mỹ bắn phá, buổi chiều làm việc với Bộ Chính trị xong, Bác lên đường đi nghỉ ở Trung Quốc theo quyết định của Bộ Chính trị và Hội đồng bác sĩ.

Năm 1968 này, ngày 29 âm lịch cũng tức là ngày 30 tết. Bác nhận được điện của Bộ Chính trị và Trung ương chúc mừng năm mới.

Buổi tối, từ Bắc Kinh xa xôi, Bác cùng ông Vũ Kỳ - thư ký riêng - ngồi im lặng bên nhau nghe tin tức, ca nhạc, ngâm thơ Tết, chờ đón giao thừa. Về mặt Bác trầm ngâm, đượm buồn. Bác nhớ về đất nước, nhớ các chiến sĩ, đồng bào, nhớ các cháu thiếu nhi. Bác bảo ông Kỳ:

- Chú mở cái băng gì vui vui cho Bác nghe với.



Ông Kỳ biết ý Bác, bèn chọn chiếc băng có nhiều bài hát thiếu nhi. Khi nghe giọng một cháu bé cất lên *“Bé bé hồng bông... Em đi sơ tán... Mai về phố đông...”* Bác mỉm cười.

Bỗng, tiếng pháo nổ ran tiền năm Đinh Mùi, đón năm Mậu Thân. Cùng lúc, từ chiếc đài bán dẫn vang lên sang sảng lời chúc tết của Bác Hồ.

*“Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiên lên!*

Toàn thắng ắt về ta!”

Bác nói khẽ:

- Giờ này miền Nam đang nổ súng!

... Hết buổi sáng mừng một tết, Bác Hồ nhận được tin khắp miền Nam đánh lớn... Mắt Bác ánh lên niềm vui...

... Đến sáu giờ sáng ngày mùng bốn tết (3-2-1968) ngày kỷ niệm thành lập Đảng, Bác bảo ông Kỳ chuẩn bị giấy bút, ông Kỳ thấy hơi lạ vì hôm nay Bác làm việc sớm hơn mọi ngày. Bác ngồi nhìn ra cửa sổ đọc, bảo ông chép:

- *“Đã lâu không làm bài thơ nào”,* phẩy, xuống dòng.

Ông Kỳ ngừng bút hỏi:

- Thưa bác, thơ à?



- Chú cứ viết tiếp: “*Nay lại thử làm thơ xem sao*”, phẩy, xuống dòng.

Ông Kỳ nghĩ: Đúng là thơ rồi, nhưng sao như câu nói chuyện bình thường? Bác đọc tiếp:

- “*Lục khắp giấy tờ vẫn chẳng thấy*”, phẩy, xuống dòng.

Vẫn chẳng thấy thơ đâu, ông Kỳ phân vân. Bác nhìn ông, bảo:

- Chú viết tiếp - rồi Bác đứng dậy, đọc to câu cuối cùng với giọng sảng khoái, ánh mắt vui: “*Bỗng nghe vẫn “thăng” vút lên cao*”.

(Theo bài của VŨ KỶ)



MỐI TÌNH ĐỒNG CHÍ ANH EM

Tháng 11-1956, Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Hoa Chu Ân Lai sang thăm hữu nghị chính thức Việt Nam lần đầu tiên.

Thủ tướng đã đến thăm đền Hai Bà Trưng, kính cẩn thắp hương lên bàn thờ và cúi đầu nói mấy câu, đại ý:

- Tôi xin thay mặt nhân dân Trung Quốc tạ lỗi trước Hai Bà về những đau thương, tang tóc mà bọn vua quan phong kiến Trung Quốc trước đây đã gây cho nhân dân Việt Nam.

Lần ấy, trong bữa tiệc tiễn biệt Thủ tướng Chu, Bác Hồ “tiết lộ một điều bí mật”:

- Đồng chí Chu Ân Lai là người anh em thân thiết của tôi. Chúng tôi đã cùng nhau đồng cam cộng khổ, hoạn nạn có nhau cùng hoạt động cách mạng. Chúng tôi là những người bạn chiến đấu thân thiết từ hơn 30 năm trước.

Trong lời đáp, Thủ tướng Chu khiêm tốn nói:

- Vừa rồi, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhắc đến việc hơn 30 năm trước, tôi đã quen biết Người. Đúng như vậy, 34 năm trước đây tôi quen biết Hồ



Chủ tịch tại Pari. Lúc ấy Chủ tịch đã là một người mác-xít già dặn, là người dẫn đường của tôi, còn tôi ngày ấy vừa mới gia nhập Đảng Cộng sản. Chủ tịch là người anh cả của tôi.

Bác Hồ liền đứng lên ngăn lời Thủ tướng và nói với những người có mặt: “Những điều đồng chí Chu Ân Lai nói, các chú nghe vậy và biết vậy thôi, không được kể với ai. Các chú cần nhớ đồng chí Chu là lãnh tụ của một Đảng lớn, của một nước lớn đông dân nhất thế giới này”. Do đó, hồi ấy báo chí ta không viết về chi tiết này, mãi đến năm 1960 *Nhân dân nhật báo* Trung Quốc số ra ngày 14-5 mới công bố.

... Đúng là Hồ Chí Minh - Chu Ân Lai đã có mối quan hệ thân thiết từ lâu, và gắn bó với nhau trên những chặng đường hoạt động cách mạng.

Vào một ngày mùa thu năm 1922, lần đầu tiên hai người làm quen với nhau trong một ga xe điện ngầm Pari (Pháp). Nhà cách mạng trẻ Việt Nam Nguyễn Ái Quốc đã gây một ấn tượng vô cùng sâu sắc” đối với nhà cách mạng trẻ Trung Hoa Chu Ân Lai. Từ đó, lý tưởng chung đã gắn bó hai người đến trọn đời. Đó là một trong những mối tình cảm đẹp đẽ nhất “vừa là đồng chí vừa là anh em”.

Năm 1924, trong thời kỳ Quốc - Cộng hợp tác lần thứ nhất, Nguyễn Ái Quốc được Quốc tế cộng sản cử về Quảng Châu tham gia cách mạng Trung Quốc đang diễn ra sôi nổi tại đây, đồng thời trực tiếp chỉ



đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Nguyễn đã mở các lớp huấn luyện chính trị, thành lập Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội, chuẩn bị điều kiện để thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.

Thời kỳ này, Chu Ân Lai cũng được Đảng cộng sản Trung Quốc cử về làm Ủy viên Thường vụ Khu ủy Quảng Đông, kiêm phụ trách Bộ tuyên truyền, và chủ nhiệm chính trị Trường quân sự Hoàng Phố.

Theo đề nghị của Nguyễn, Chu đã đến giảng bài cho các lớp huấn luyện chính trị. Mùa hè năm 1925, Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu kết hôn tại Quảng Châu. Gia đình ông bà trở thành nơi đi lại của Nguyễn Ái Quốc. Nguyễn thường thân mật gọi bà Chu Ân Lai là “Cô Siêu” (Tiểu Siêu). Nguyễn đã được vợ chồng Chu chăm sóc, giúp đỡ tận tình. “Cô Siêu” đã tự tay may vá, đan áo len và lo thuốc bồi dưỡng cho Nguyễn...

Trong thời kỳ 1934-1938, ở Matxcova Nguyễn Ái Quốc gặp khó khăn. Chu Ân Lai sang dự Đại hội VII Quốc tế cộng sản, được bầu vào ban chấp hành. Chu là một trong những người tích cực giúp đỡ để Nguyễn về nước qua đường khu giải phóng Trung Quốc, từ đó mà trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam.

Quốc - Cộng hợp tác lần thứ hai. Chu là đại diện của Đảng cộng sản bên cạnh chính phủ Quốc dân đảng ở Trùng Khánh trong thời gian chiến tranh chống Nhật. Ở đây, Nguyễn Ái Quốc đã nhiều lần gặp Chu Ân Lai.



Tháng 8-1942, Nguyễn Ái Quốc, với tên mới Hồ Chí Minh, từ Pác Bó định sang Trùng Khánh gặp Chu Ân Lai để trao đổi về thời cuộc, bị chính quyền Quốc dân đảng ở Quảng Tây bắt giam.

Được tin, Chu Ân Lai đã đến dinh Phùng Ngọc Tường, một vị tướng yêu nước trong quân đội Quốc dân đảng để bàn cách cứu Hồ Chí Minh.

Cách mạng hai nước thành công, Bác Hồ và Thủ tướng Chu Ân Lai nhiều lần gặp gỡ, thăm viếng lẫn nhau, và thay mặt hai chính phủ, ký nhiều hiệp định hợp tác và hữu nghị.

Mùa hè 1969, được tin Bác Hồ lâm bệnh, theo yêu cầu của Đảng và Chính phủ ta, Thủ tướng Chu Ân Lai đã trực tiếp cùng Bộ Y tế Trung Quốc tuyển chọn những thầy thuốc giỏi nhất, thành lập một tổ điều trị, mang theo thuốc men và dụng cụ y tế sang Việt Nam tham gia chữa bệnh cho Bác. Thủ tướng Chu đọc rất kỹ những báo cáo về bệnh tình của Bác, để chỉ thị cho tổ điều trị Trung Quốc tìm mọi cách chữa chạy cho Người.

Ngày 4-9 năm ấy, Thủ tướng Chu Ân Lai dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Trung Quốc sang Việt Nam dự lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trước nỗi đau thương của nhân dân ta, người bạn lớn của Việt Nam, bạn cố tri của Bác Hồ, bước những bước nặng nề, nước mắt tràn mi.

(Theo bài của TRẦN HIẾU ĐỨC)



GIA ĐÌNH HOÀNG THÂN XUPHANUVÔNG VỚI BÁC HỒ

Năm 1945, khi ông kỹ sư cầu cống, Hoàng thân Xuphanuvông đang làm việc ở Vinh thì cách mạng tháng Tám thành công ở Việt Nam và ở Lào. Anh trai ông, Hoàng thân Phétxarạt điện gọi ông về nước tham gia chính phủ cách mạng: Cùng dịp này - đầu tháng 9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng phái ông Lê Văn Hiến vào đón ông ra Hà Nội gặp Người để bàn về tình hình chung của hai nước. Tháng 10-1945, cùng với những chiến sĩ tình nguyện quân Việt Nam, ông trở về Lào, tham gia lãnh đạo công cuộc đấu tranh cứu nước, chống thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ xâm lược.

Cũng từ đó, hình ảnh Bác Hồ không chỉ trở thành thiêng liêng, thân thiết với Hoàng thân Xuphanuvông mà với cả gia đình ông. Ông thường lấy tấm gương sáng về đạo đức của Bác Hồ để nhắc nhở con cái noi theo mà phấn đấu trong học tập, công tác. Trong ngăn bàn của ông có những phong bì đựng ảnh. Những ảnh chụp với vợ, bà Nguyễn Thị Kỳ Nam - ông đề ngoài bì: "Hai ta", những ảnh chụp chung với Bác Hồ, ông đề: "Với Papa Hồ".



Trong thời gian Hoàng thân Xuphanuvông và các nhà lãnh đạo Lào bị bọn phản động giam ở nhà tù Phôn Khêng, bà vợ ông vào thăm, thường mang theo người con trai út (sau này là kỹ sư Xinava Xuphanuvông). Bà giấu tài liệu, thư từ của Đảng quần vào tã lót, rồi trao con qua song sắt cho ông bế vào phòng biệt giam, đến khi ông bế con ra trao cho bà thì trong tã lót lại có thư từ của ông gửi ra ngoài. Ông gửi ra cả một tấm chân dung Bác Hồ do ông vẽ trong tù để tặng bà. Về sau, ông còn vẽ một bức chân dung Bác Hồ trước bàn viết trong phòng riêng.

Hoàng thân thường lấy tấm gương của Bác Hồ để nhắc nhở, dạy bảo các con. Kỹ sư Xinava kể lại:

“Có lần tôi làm hỏng một việc gì đó, ba tôi nói: Bằng tuổi con, Bác Hồ đã đi tìm đường cứu nước rồi đó nghe! Tôi nhận lỗi và nói đùa lại với ba: Thì mới ba tháng tuổi, con cũng đã làm “giao liên” đưa tài liệu mật của Đảng vào nhà tù cho ba và các lãnh tụ cách mạng Lào rồi còn gì!”.

Khi Bác Hồ mất, Hoàng thân Xuphanuvông không chỉ coi đó là tổn thất lớn lao của hai dân tộc Việt - Lào, mà ông còn coi như gia đình mình mất một người thân quý nhất. Khi ông nằm trên giường bệnh, một chiến sĩ tình nguyện quân Việt Nam cùng ở bên ông từ hồi mặt trận Thakhet vào thăm, cầm lấy tay ông và khóc. Ông an ủi: “Đừng khóc, con. Ba còn sống



dây mà. Đời ba chỉ khóc có hai lần, lần anh Quang hy sinh và khi Bác Hồ qua đời”. Quang là tên Việt do Bác Hồ đặt cho Arinha con trai cả của Hoàng thân Xuphanuvông. (Các con trai khác của Hoàng thân cũng có tên Việt do Bác đặt: Minh, Chính, Đại, Trung, Thành...).

Vợ chồng Hoàng thân hầu như suốt đời không nguôi nhớ Bác Hồ. Đến ngày sinh, ngày mất của Bác, bao giờ trong nhà cũng thắp hương khấn vái. Kỹ sư Xinava kể: “Có một hôm, ba tôi dậy rất sớm, đánh thức tôi và hỏi: “Con có biết hôm nay là ngày gì không?”. Tôi đang ngơ ngác thì người nói. “Hôm nay là ngày 19 tháng 5, con đi mua hoa tươi, trái cây về để ta thắp hương tưởng nhớ Bác Hồ”.

Bây giờ, Hoàng thân Xuphanuvông cũng đã sang thế giới bên kia cùng với Bác Hồ. Phu nhân Nguyễn Thị Kỳ Nam, cũng đã già yếu, khi tỉnh, khi mê. Bà thường hỏi các con: “Ba làm gì trong Hồ khăm (cung điện vàng, nay là dinh Chủ tịch nước Lào) mà lâu về thế?”.

Để bà yên tâm, các con bà thường phải trả lời.

- Ba cùng chú Bảy (Chủ tịch Cayxôn Phômvihân) đang đi học ở Xà-văn. Xà-văn là tỉnh Xavannakhet, tiếng Lào có nghĩa là Thiên đường).

Thế là bà yên tâm. Nhiều lúc, bà lại bảo:

“Sao không đưa má đi Hà Nội thăm Bác Hồ?...”

Hắn lúc này bà đang nhớ lại lúc sinh thời,



thỉnh thoảng Hoàng thân Xuphanuvông lại sang thăm Bác Hồ. Hai người cùng ngồi ăn cơm với nhau, rồi cùng nhau trải chiếu xuống đất mà nằm ngủ. Nhiều lần thấy vậy, bà không dám hỏi, thầm nghĩ: Chắc là Cụ Hồ thử thách ông Hoàng xem có chịu được gian khổ không...

(Theo bài viết của kỹ sư
XINAVA XUPHANUVÔNG)

MỘT THIÊN TÀI NGOẠI NGỮ

Tạp chí “Tin báo” ở Hồng Kông vừa có bài viết về ba nhà giỏi ngoại ngữ hiện đại: ông Tiền Chung Thư, người Trung Quốc, biết ít nhất 8 thứ tiếng; ông R.H.V. Gu-lích người Ba Lan, am tường 14 thứ tiếng nước ngoài; và cụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam... Bài báo viết:

“... Sau thắng lợi lừng lẫy ở Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức một buổi chiêu đãi, khá nhiều vị khách quốc tế đến dự. Nội khổ tâm của khách là sự bất đồng ngôn ngữ. Nhiều người Nga không biết tiếng Pháp, nhiều người Trung Quốc không nghe được tiếng Anh. Lúc ấy rất nhiều người phiên dịch và dường như chỉ có người Việt Nam phiên dịch tiếng Pháp. Trước tình hình như vậy, bất ngờ Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân phiên dịch nhiều thứ tiếng. Nếu không gặp tình huống này, có lẽ người ta không biết vị lãnh tụ của Việt Nam thông thạo nhiều ngôn ngữ đến thế. Mọi người ngạc nhiên vì đây là nhà chính trị, nhà quân sự miệt mài nơi rừng Việt Bắc lại nói lưu loát các thứ tiếng Trung, Anh, Pháp, Nga... Người nói trôi chảy, tự nhiên và rất chuẩn.

Tài ngoại giao của Người cực kỳ khôn khéo và



linh hoạt. Trong số các vị lãnh tụ trên thế giới, đây quả là hiện tượng hiếm có. Chính cuộc đời hoạt động sôi nổi ở nhiều nước tạo điều kiện để lãnh tụ Hồ Chí Minh tiếp xúc với nhiều ngoại ngữ. Phải thừa nhận rằng cụ Hồ Chí Minh là một thiên tài ngoại ngữ. Hồ Chí Minh có thể nói chuyện bằng tiếng Nga với Xtalin, thảo luận với Mao Trạch Đông bằng Trung văn, trao đổi ý kiến với các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Pháp bằng tiếng Pháp, trả lời các nhà báo bằng tiếng Anh.

Riêng trình độ Trung văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất uyên bác. Người thành thạo tiếng phổ thông, nói được tiếng Quảng Châu, tiếng Thượng Hải. Về thi luật của Trung Quốc, Hồ Chí Minh là bậc thầy, có thể tung hoành ngòi bút của mình trong mọi thể loại thơ văn. Quả thật có thể xếp Hồ Chí Minh vào hàng cự phách trong lĩnh vực ngôn ngữ một cách xứng đáng đầy tự hào”.

(The NT, tập san *Báo Nhân dân*)

BÁC HỒ VỚI TIẾNG VIỆT

... Lần ấy, Bác Hồ về thăm nhà máy cơ khí Gia Lâm, trong buổi làm việc, cán bộ báo cáo tỉ mỉ thành tích, từ việc sản xuất nhanh, nhiều, tốt, rẻ, vượt chỉ tiêu kế hoạch, đến việc chăm lo đời sống công nhân, phong trào phụ nữ “bôn tốt”, thanh niên “ba sẵn sàng” v.v... Nghe xong, Bác hỏi: “Còn gì nữa, nói hết đi”. Bí thư Đảng ủy đáp: “Thưa Bác, hết rồi ạ”. Bác nghiêm nghị nói: “Nhà máy có khi già lắm” sao không thấy nói đến?”. Mọi người ngơ ngác, một lúc sau, có người mới hiểu ra là trước cổng có tấm biển đề tên nhà máy mà không đánh dấu, thành ra có thể đọc thành “Nhà máy có khi già lắm”.

Cụ Hoàng Đạo Thuý cũng kể lại:

“Có lần Hội đồng Chính phủ họp, có những người nói rõ ràng, gọn ghẽ, nhưng cũng có những người nói văn hoa miên man. Bác Hồ chăm chú lắng nghe, thỉnh thoảng ghi vài chữ. Khi diễn giả ngừng lời Bác hỏi “Hết chưa?”. Vị kia đáp: “Dạ, hết”. Bác mới nhẹ nhàng bảo “Chỉ định nói thế này... thế này... làm gì mà dài thế?”. Bác không thích cái lối khi không cần mà lại nói, viết pha tiếng nước ngoài. Lần ấy đến một hội nghị, Bác đọc hết các khẩu hiệu, tỏ ra khó



chịu, bảo: “Rất tiếng lai. Tệ nhất là mấy anh quân sự. Các đồng chí Kalinin, Lênin đều ghét nói cái lồi “lai” chữ này!”.

Năm 1946, sau ngày Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Bác Hồ về thăm Nam Định. Lúc xe qua vườn hoa, thì một học sinh trường trung học Nguyễn Khuyến, anh Phạm Hữu Dung, chạy ra tặng Bác một món “quà” gồm mấy số báo *Tập viết* chép tay, trong đó có số về Tổng tuyển cử 6-1-1946, hai tấm chân dung của Bác do anh Nguyễn Thế Hưng vẽ, khắc gỗ và in (một để biếu Bác, một để xin chữ ký của Bác).

Số là sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, tại trường Nguyễn Khuyến (tức trường Cao đẳng tiểu học Nam Định cũ) cũng như các trường khác trong nước, các môn học đều được dạy bằng tiếng Việt. Một số học sinh háng hái nhất đã cho ra đời tờ báo viết tay *Tập viết* để luyện tiếng Việt thật tốt. Phụ trách tờ báo là các anh Phạm Hữu Dung, Nguyễn Thế Hưng, Lê Quý An, Vũ Văn Tảo... Và nhiều học sinh chủ yếu là ở năm thứ tư tự nguyện làm cộng tác viên. Nhóm *Tập viết* còn có “Tủ sách tập viết” do anh em góp lại, dùng chung. Họ còn định ra cái lệ: Ai nói tiếng Việt mà đem tiếng Pháp vào thì bị phạt mấy xu sung vào quỹ báo...

... “Quà” gửi rồi, có người nghĩ là Bác sẽ vui lòng, nhưng có người lại lo lắng về việc làm táo bạo này.

Vào đầu tháng 3-1946, mấy anh học sinh được



thầy hiệu trưởng gọi lên, hỏi: “Các anh có gửi thư lên Hồ Chủ tịch à?” thì ai nấy đều hồi hộp, lo lắng... Khi mở chiếc bì to bằng bìa cứng ra thì cả thầy trò đều sung sướng. Có hai bức thư: một là của ông Vũ Đình Huỳnh, Bí thư phủ Chủ tịch cho biết Bác Hồ đã nhận được thư và báo, hai là thư trả lời tự tay Bác viết. Quả là Bác rất vui lòng vì học sinh đã biết học tập trau dồi tiếng Việt. Bác viết:

“Thân gửi các cháu “Tập viết”

Bác có mấy lời khuyên các cháu:

Ý tứ nên rõ ràng,

Lời lẽ nên phổ thông,

Câu chữ nên ngắn gọn.

Chúc các cháu thành công,

Thân ái

Hồ Chí Minh”

Kèm theo thư, Bác Hồ còn gửi tặng một tấm ảnh của Người và gửi lại tám chân dung khắc gỗ có mấy chữ ký, như yêu cầu của nhóm *Tập viết*.

Mấy học sinh hồi ấy, có người nay đã hy sinh, có người là cán bộ giảng dạy đại học, là giáo sư từng giữ cương vị thứ trưởng, vụ trưởng. Nhưng không ai quên, và suốt đời ra sức thực hiện lời dạy của Bác: Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

(Theo bài của TRẦN CỬU KIẾN,
HOÀNG ĐẠO THÚY, VŨ VĂN TẢO)



BÁC HỒ VỚI LỊCH SỬ NƯỚC NHÀ

Năm 1942, lúc đang ở Pác Bó, Bác Hồ có viết bài ca vắn lục bát lịch sử nước ta” mở đầu có câu:

“Dân ta phải biết sử ta,

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

“Hồ Chí Minh phân biệt hai việc khác nhau song liên quan mật thiết với nhau trong nhận thức lịch sử: biết và tường (hiểu sâu sắc). Kết quả của việc dạy, học lịch sử không chỉ thể hiện ở biết chính xác sự kiện, mà quan trọng hơn là hiểu lịch sử, rút ra những bài học, kinh nghiệm cho cuộc sống ngày nay” (Phan Ngọc Liên - *Xưa & nay* số 39, 5-1997).

Bác Hồ đã đọc sách Đông, Tây, kim, cổ, đã biết và đã tường nhiều lĩnh vực trong kho tàng văn hóa nước nhà và nhân loại.

Riêng về Sử nước nhà, tuy đã rất am tường, khi cần, Bác vẫn tìm sách để đọc lại, và khi có sách mới. Bác nghiên cứu rất kỹ.

Trong cuốn hồi ký “Chiến đấu trong vòng vây”, Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại:

Trước ngày toàn quốc kháng chiến (1946), Bác



Hồ cho người đi tìm cuốn sách *Việt Nam sử lược* để chuyển cho ông Trường Chinh và Tướng Giáp đọc... Bác biết cuộc chiến đấu sắp tới với thực dân Pháp sẽ khó khăn, gian khổ, nên muốn cho cán bộ phải đọc lại sách sử, xem ông cha ta đánh giặc như thế nào. *Việt Nam sử lược* là bộ sách lịch sử được viết ngắn gọn và súc tích nhất mà vào thời điểm đó có thể có được. Tác giả cuốn sách là học giả Trần Trọng Kim, ông từng là Thủ tướng Chính phủ do Bảo Đại lập ra trong thời kỳ Nhật chiếm Việt Nam. Sau tháng 8-1945, nhiều Bộ trưởng đã tham gia cách mạng, và Trần Trọng Kim cũng được Chủ tịch Hồ Chí Minh cho người đi tìm, mời về hợp tác nhưng không liên lạc được.

.. Về sau, trên giá sách trong phòng làm việc của Bác, vẫn thường có những cuốn sách lịch sử mới xuất bản, và cuốn nào Bác cũng đọc rất kỹ.

Một trong những cuốn sách Bác đọc trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là “Cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông” của Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm.

Một cuốn khác hiện đang được bảo quản tại kho cơ sở Bảo tàng Hồ Chí Minh, mang ký hiệu 211G-195, viết bằng tiếng Pháp, là “Le Vietnam - Histoire et Civilisation” (Nước Việt Nam - Lịch sử và văn minh). Sách do Nhà xuất bản Minuit (Minuit) in năm 1955. Trong sách có lời đề tặng của tác giả:



Kính tặng Hồ Chủ tịch - Người lãnh đạo sáng suốt của nước Việt Nam trên con đường độc lập và xã hội chủ nghĩa.

Lê Thành Khôi

Balê 14-3-1955”

(Giáo sư Lê Thành Khôi là Tiến sĩ Luật khoa, tốt nghiệp trường quốc gia các ngôn ngữ phương Đông của Pháp và Viện Luật học quốc tế ở La Hay, Hà Lan, dạy tại Đại học Xoóc bon (Sorbonni) Pháp. Tác phẩm này của ông về sau còn được bổ sung, sửa chữa và tái bản, cho đến nay vẫn được coi là một cuốn lịch sử Việt Nam tương đối hoàn chỉnh được xuất bản ở nước ngoài).

Ngày nay, những trang giấy đã ngả màu, nhưng những chỗ đánh dấu trên bốn mươi năm trước vẫn rõ nét, chứng tỏ Bác Hồ đã đọc cuốn sách rất kỹ càng, nghiêm túc.

Sách dày 587 trang, thì 86 trang có nét bút ghi của Bác. Ở nhiều đoạn, bên lề có ghi một vài chữ Hán rất nhỏ và mảnh, chỉ định nội dung để khi cần có thể tìm thấy dễ dàng.

Ví như: ở mục “*đất nước và con người*”, tác giả viết về sự gia tăng dân số quá lớn so với sức sản xuất của nông nghiệp nên không đủ ăn, không đủ việc làm... thì bên lề Bác ghi chữ “*cốc*” (lúa) chữ “*sản mễ*” (sản xuất lúa gạo); ở phần viết về các hoạt động kinh tế công nghiệp... bên lề Bác ghi chữ “*thương*” (buôn



bán); ở phần viết về chính sách ruộng đất đời Lê hay cải cách ruộng đất bên lề đều ghi chữ “*thổ cải*” v.v...

Cũng có những trang Bác ghi chú những điều còn nghi vấn.

“Có thể từ cuốn sách này, một hiện vật cụ thể, gợi ra nhiều vấn đề nghiên cứu về phương pháp đọc sách, làm việc và tư duy của Bác Hồ, nhưng ở đây... chỉ muốn nhấn mạnh đến tính nghiêm túc học hỏi của Bác Hồ đối với các cuốn sách viết về lịch sử Việt Nam”.

(Theo PHAN NGỌC LIÊN,
SONG THÀNH, LÊ THỊ KIM DUNG)

NHỮNG ĐIỀU TIÊN TRI THUỘC VỀ NHỮNG THIÊN TÀI

Dòng cuối cùng mục đề “Những năm quan trọng” kèm sau bài “Lịch sử nước ta” viết đầu năm 1942, Bác Hồ ghi: “Việt Nam độc lập - 1945”.

Lịch sử đã xác nhận lời tiên đoán ấy là tuyệt đối chính xác.

Suốt trong quá trình lãnh đạo cách mạng, với tầm nhìn xa rộng, kinh nghiệm hoạt động lâu năm, Bác đã dựa trên sự phân tích khoa học, nêu lên những dự báo - những lời tiên tri mà mọi người phải kinh ngạc.

Nhà thơ Tố Hữu viết: Chiều ngày 7-5, sau khi nhận tin chiến thắng Điện Biên Phủ, ông lên xin ý kiến của Bác. Có điều lạ là Bác rất bình thản. Bác bảo: *“Đây chỉ là chiến thắng bước đầu thôi. Chiến tranh chưa kết thúc đâu... Không khéo chuyên này ta phải đánh nhau với Mỹ, còn lâu dài đấy, gian khổ đấy. Dừng có tếu...”* Đại tướng Võ Nguyên Giáp, khi trả lời phỏng vấn (8-5-1997) cũng cho biết: *“... Chiều 7-5, ta tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ thì nhận được điện... Nhưng mà trong bức điện*

có một câu là: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới chỉ là bước đầu...”. Tôi đứng dậy đọc điện và tôi nói với các anh lúc đó đang ngồi ở Sở chỉ huy là chỉ có Chủ tịch Hồ Chí Minh mới viết được câu này... Thế còn lúc về đến Hà Nội gặp Bác Hồ... Bác có nói với anh em cán bộ thế này: *Làm gì mà các chú tếu thế, còn phải đánh Mỹ* - Tâm nhìn của Bác là như vậy.

Năm 1958, khi đề ra hai nhiệm vụ cho quân đội mà nhiệm vụ số một là “xây dựng quân đội hùng mạnh sẵn sàng chiến đấu... Đối với công tác hậu phương, Bác nhắc lập kế hoạch động viên, kế hoạch phòng không nhân dân. Đại tướng Văn Tiến Dũng viết trong “Hồi ký” “... Về sau, một hôm... Bác vòng bút mực đỏ quanh một bài báo, bên cạnh đó Bác viết mấy chữ: gửi chú Dũng xem”. Bài báo nói về phòng không nhân dân ở Thụy Điển (báo xuất bản ở Thụy Điển).

Và Thượng tướng Phùng Thế Tài cho biết:

“Năm 1962, trong buổi gặp mặt hôm ấy Bác đã hỏi tôi: - *Bây giờ chú là Tư lệnh phòng không, vậy chú đã biết gì về B52 chưa?*

Thấy tôi lúng túng, Bác cười độ lượng:

- *Nói thế thôi, chứ chú có biết cũng chưa làm gì được nó. Chú phải theo dõi chặt chẽ và thường xuyên quan tâm đến loại máy bay B52 này...”*.

... Cuối tháng 12 hay bước sang năm 1968... Tôi được Bác gọi lên hỏi thăm tình hình. Ngay phút



đầu tiên, Bác đã hỏi về B52. Nét mặt Bác trở nên dăm chiêu:

- *Sớm muộn gì đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B52 ra đánh Hà Nội rồi có thua mới chịu thua...*

- Ở Việt Nam Mỹ sẽ nhất định thua.

Bác nhìn ra cửa sổ, chỉ tay lên bầu trời, nói tiếp:
- Nhưng nó chỉ thua sau khi thua ở đây, vì vậy nhiệm vụ của chú rất nặng nề.

Bản phương án đầu tiên đầu năm 1968 đánh trả cuộc tập kích này bằng B52 của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng được ra đời trong bối cảnh như thế.

Trong mười năm kể từ ngày thành lập, Hồ Chủ tịch đã 12 lần đến thăm bộ đội phòng không. Tư lệnh quân chủng, Trung tướng Trần Nhân viết:

“Nhưng riêng về bộ đội phòng không, chúng tôi cảm thấy như được nhận sự quan tâm đặc biệt của Bác... Bác đến tận trận địa cao xạ, trận địa tên lửa, Bác đã cho phép chúng tôi được đặt một đường dây điện thoại trực tiếp từ Sở chỉ huy đến thẳng chỗ Bác để thường xuyên báo cáo với Bác...”.

Sáng mùng một Tết năm 1969, Bác lại đến thăm quân chủng... Bác đã căn dặn:

- Phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu để khi nó giở quẻ thì mình đập lại được ngay.

Làm theo lời Bác, bộ đội phòng không, không quân và nhân dân ta đã làm nên một “Điện Biên Phủ trên không”.



Trước chiến thắng kỳ diệu buộc Hoa Kỳ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, đầu 1972, nhà văn Nga Vitali Ôđêrốp đã gặp và nghe nhà thơ Tố Hữu nói: "... Cuộc chiến đấu không dễ dàng, nhưng không lâu nữa, trên đất nước chúng tôi sẽ phải có một trận quyết chiến như Xtalingrat..." Ôđêrốp nhớ lại, chính ông đã được nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh nói "Phải biết nhìn thấy khi nào mùa xuân sẽ đến".

Quả đúng như vậy, những lời dự báo của Bác Hồ là những lời tiên tri. Chính trang tài liệu gốc bản *Di chúc*, Người đã viết: "*Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể kéo dài mấy năm nữa*". Đó lại là một lời tiên tri kỳ diệu.

"Những điều tiên từ đó thuộc về những thiên tài"
(Võ Nguyên Giáp).

(Theo bài *Chủ tịch Hồ Chí Minh*
dự đoán về chiến thắng lịch sử
Điện Biên Phủ trên không)



NGƯỜI BUÔN NGÔ

Già làng A Ma Ril ở Buôn Ngô, huyện Krông Bông là một du kích dũng cảm hồi kháng chiến chống Mỹ. Ông cùng những chiến sĩ du kích khác đã dùng tên tẩm thuốc độc bắn chết nhiều lính Mỹ, ngụy, đẩy lùi các cuộc tấn công của chúng, bảo vệ an toàn vùng căn cứ Buôn Ngô.

Trên bốn mươi năm nay, A Ma Ril vẫn giữ một kỷ vật quý giá do một cán bộ cách mạng tặng trước khi anh ta tập kết ra Bắc. Gặp người quen, ông thường mở cái bọc ra cho xem: Đó là lá cờ đỏ sao vàng và tấm ảnh Hồ Chủ tịch cuộn trong nhiều lớp vải và giấy, mà ông coi quý hơn cả tính mạng mình, và đã giữ được an toàn qua nhiều trận càn quét đốt phá nhà cửa, buôn làng của giặc. Ông cũng ít nói về mình, nhưng với ai ông cũng kể lại câu chuyện ly kỳ về già làng A Ma Ya thời đánh Mỹ:

“Hồi ấy, có hai người dân Buôn Ngô cùng già làng A Ma Ya gửi gạo vào rừng để nuôi cán bộ cách mạng hoạt động bí mật. Chẳng may, họ bị một toán biệt kích ngụy, hầu hết là người các dân tộc Tây Nguyên, chặn đường bắt được. Chúng tra hỏi, dụ dỗ nhưng không ai chịu nói chỗ ở của cán bộ.



Già làng A Ma Ya bình thân nói:

- Thế nào rồi bọn mày cũng bắn chúng tao. Chúng tao chẳng sợ đâu. Nhưng trước khi chết, bọn mày hãy cho chúng tao hát đã.

Nói rồi già làng A Ma Ya cất tiếng hát bài “Khan chàng Dăm San” của người Êđê. Đám lính lúc đầu còn làm, nói chuyện, hút thuốc, đi lại. Nhưng rồi, họ bỗng im phăng phắc, quây quanh ông già, nghe như nuốt từng lời kể, lời hát và chăm chú từng điệu bộ của ông. Cả đám lính như bị thôi miên. Đến đoạn cuối, tiếng chàng Dăm San vút cao:

“Hỡi anh em trong làng! Hỡi bà con trong nhà! Hỡi tôi tớ của ta! Chúng ta sẽ làm lễ tết đầu năm thật to, thật vui. Chúng ta sẽ làm lễ cúng linh hồn tổ tiên đã chết, làm lễ cúng Thần Núi, Thần Suối, Thần Đất, Thần Nước, Thần Trên Cao và Thần Dưới Thấp, Thần Phía Tây và Thần Phía Đông để cầu cho chúng ta được khỏe mạnh, để chúng ta được sống yên vui. Chiêng cồng hãy đánh lên! Đánh những giàn chiêng kêu thanh nhất! Đánh những chiêng kêu trầm nhất! Đánh những chiêng kêu vang khắp xứ! Đánh cho tiếng chiêng vượt qua sàn nhà lan xuống đất! Đánh cho tiếng chiêng vượt qua mái nhà lên tận trời! Đánh cho khi quên bám vào cành cây! Cho ma quỷ không còn dám làm hại con người...!”

Già làng A Ma Ya như nhập với anh hùng Dăm San, quên rằng tính mạng mình và hai người bạn



đang bị đe dọa. Còn bọn lính thì mê mẩn vì lời hát và nội dung câu chuyện...

Kể “khan” xong, A Ma Ya nói:

“Cán bộ, bộ đội Cụ Hồ làm cách mạng, họ cũng tốt như Đăm San, đánh kẻ ác, cứu dân lành, bảo vệ buôn làng. Bọn mày là con em của buôn làng, nên buông súng về với cách mạng, với Bác Hồ, để được như Đăm San diệt kẻ ác, cứu đồng bào, buôn làng mình”.

Đám lính xôn xao một lúc rồi một người nói:

“Già làng nói trúng cái bụng của chúng mình lắm. Thôi, chúng mình đi theo già làng về với cách mạng, anh em ơi!”.

Thế là cả toán biệt kích ngụy theo A Ma Ya và hai người dân Buôn Ngô, vui vẻ đến gặp những người cán bộ cách mạng...”.

Kể xong câu chuyện, già làng A Ma Ya nói:

- Có được cuộc sống như hôm nay, dân Buôn Ngô ơn Đảng, ơn Bác Hồ lắm, ơn này cao như nút Yang Sinh, dài như sông Krông Bông, người Buôn Ngô không bao giờ quên được.

(Theo bài của ĐÔNG HẢI)



TÔI ĐÃ GIỮ ĐƯỢC HAI SỰ THỬ CHUNG

Bà Nguyễn Đình Chi, nhũ danh Đào Thị Xuân Yển (1909-1997) là chủ nhân khu vườn An Hiên nổi tiếng ở Kim Long, Huế.

Bà là người phụ nữ Trung Kỳ đầu tiên đỗ tú tài Tây, nhưng lại là vợ thứ ba của ông Tuần phủ, cử nhân Hán học họ Nguyễn.

Từ năm 1947, bà Nguyễn Đình Chi từng là Phó Chủ tịch Mặt trận Liên Việt Thừa Thiên - Huế. Dưới thời Ngô Đình Diệm, khoảng 1953-1955, bà giữ chức Hiệu trưởng trường Đồng Khánh nơi khi còn là nữ sinh; 1927, bà đã cầm đầu phong trào bãi khóa. Một hôm, Diệm gặp bà, hỏi: "Ở thôn quê vậy bà có sợ Việt Minh không?". Bà bình tĩnh đáp: "Tôi là người yêu nước, Việt Minh cũng là người yêu nước, can chi mà sợ!". Sau đó, bà xin từ chức, lui về vườn An Hiên, tham gia công tác xã hội.

Năm 1968, bà lên chiến khu, được cử làm Phó Chủ tịch Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng Thừa Thiên - Huế, rồi ra thăm miền Bắc. Sau

đó, bà là ủy viên Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, và từ sau khi nước nhà thống nhất (1976) là ủy viên Đoàn Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại biểu Quốc hội khóa VI và khóa VII.

Ngày 28 tết Kỷ Dậu (1969), bà Nguyễn Đình Chi là thành viên của đoàn đại biểu Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình Thừa Thiên Huế đến chúc thọ Bác Hồ. Bà mang theo bốn thau mứt do chính tay bà làm để biếu Bác.

Bà rất ngạc nhiên khi thấy Bác vui vẻ nhận quà và bảo người phục vụ sắp mứt ra đĩa đem dọn liền không cần ai dùng thử để kiểm nghiệm. Bác đưa tay mời các ông Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và quan khách cùng dùng quà. Bà vô cùng xúc động vì sung sướng, nhưng lại lo lo, trời lạnh, lỡ ra có ai đau bụng... Còn Bác thì vẫn tươi cười, vừa trò chuyện vừa dùng mứt.

Thấy Bác chỉ ăn món mứt chanh có vị đắng bà mời Bác dùng mứt bí, mứt cam cho ngọt, Bác cảm ơn và nói:

- Phải có cam có khổ chứ.

Rồi Bác vui vẻ xóc mứt cam...

Nhân chuyện về sức mạnh của tinh thần đoàn kết, ông Lê Duẩn nhắc đến câu “Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn”, Bác Hồ nói chuyện, vui vẻ:



- Những người một mình thì thuận với ai?

Mọi người đều thích câu nói dí dỏm của Bác, nhưng không ai dám trả lời, Bác liền bảo:

- Một mình thì phải làm việc bằng hai.

Bác lại vui vẻ hỏi chuyện Huế, hỏi về các o bán chè gánh mặc áo dài, chè đủ thứ sắp trên những cái tre, xếp thành chồng cao; hỏi chợ xép, chợ Đông Ba nay có còn không?... Bác kể những kỷ niệm của Bác ở Huế, có lúc giọng Bác trở nên sâu lắng có chút gì gợi lại nỗi xót xa...

Bà Nguyễn Đình Chi được gặp Bác Hồ nhiều lần, nhưng đến chúc Tết Bác lần này, bà cảm thấy mình tiếp nhận ý tưởng của Bác sâu sắc hơn: nhiều...

Lúc tuổi đã cao, về lại vườn An Hiên, bà Nguyễn Đình Chi thường nói: “Nhờ khu vườn nhà An Hiên mà tôi giữ được hai sự thủy chung của một người đàn bà góa”. “Tôi chung sống với ông Tuần chỉ được năm năm, ông Tuần qua đời, tôi ở vậy, chung thủy với ông trọn đời. Sự chung thủy thứ hai là với cách mạng với lý tưởng của Cụ Hồ. Tôi được các vị lãnh đạo cách mạng và Cụ Hồ tin cậy, cho nên tôi phải đi đến cùng lý tưởng của Cụ Hồ”.

(Theo bài *Đi đến cùng lý tưởng của Cụ Hồ*
của NGUYỄN DẮC XUÂN)



MỘT BÀI HÁT VIẾT TRÊN ĐƯỜNG MÒN HỒ CHÍ MINH

Quốc trưởng Campuchia Nôrôđôm Xihanúc bị Lonnon, tay sai Mỹ lật đổ, sống ở Trung Quốc đã ba năm. Vào nửa cuối mùa khô năm 1973, Chính phủ ta đã giao cho quân đội ta tổ chức chuyển trở về nước của ông Xihanúc theo yêu cầu của ông, qua “đường mòn Hồ Chí Minh”.

Đi cùng Quốc trưởng trong “cuộc hành hương về đất mẹ” như ông gọi là bà hoàng Môních; lại có cả Yêng Xari, một người cầm đầu Khơ me đỏ phụ trách đối ngoại tháp tùng (thực ra là để kiềm chế) vị Quốc trưởng.

Chỉ mấy ngày sau khi đặt chân lên đường Trường Sơn, các đài Mỹ đã đoán xa đoán gần hành trình của Quốc trưởng; máy bay Mỹ bắt đầu hoạt động trinh sát, bắn phá... Nhưng rừng Trường Sơn trùng điệp là tấm ngụy trang tuyệt diệu của đoàn hộ tống gồm hàng trăm người, và vài chục chiếc xe... Các binh trạm ta mỗi nơi đều có sáng kiến riêng trong nhiệm vụ “lễ tân”. “Khi là một mái nhà xinh xắn phong lan rủ xung quanh; khi là một căn nhà nhỏ

dựng bên suối nước chảy róc rách...". Có đơn vị tổ chức tiệc khá thịnh soạn chào đón khách quý; có đơn vị tổ chức văn công cây nhà lá vườn để khách thưởng thức sau một chặng đường vất vả. Phong lan Trường Sơn vốn nổi tiếng đẹp... Quốc trưởng và bà Hoàng vẫn thốt lên : "Phong lan đẹp hơn tất cả các thứ hoa, nhất là phong lan Trường Sơn, hơn nữa lại được thưởng thức ngay giữa rừng Trường Sơn". Rồi đắm chiêu đôi phút, Quốc trưởng lại nói thêm: "Dù có đẹp đến mấy, hoa nào rồi cũng có lúc tàn. Chỉ có tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước chúng ta là bất diệt. Và thứ phong lan đó mới thật là quý, không gì có thể so sánh được...".

Ở mỗi chặng nghỉ, bà Hoàng Môních thường ghi nhật ký... Bà chép lại những sự tích, những con người anh hùng bà đã gặp. Con đường mòn bí ẩn đầy huyền thoại xa lạ, với bà giờ đây nó hiền hòa cởi mở, mến khách...

Ngày nào Quốc trưởng Xihanúc cũng gọi điện nói chuyện với Hà Nội, với Thủ tướng Phạm Văn Đồng, với Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Có lần, ông vui vẻ kể chuyện tắm suối với Đại tướng, và xúc động nhắc lại lời dặn của Đại tướng: "Chớ nên tắm lâu, dễ cảm lạnh đấy!".

Trước những tình cảm, lời nói đầy tình cảm của ông bà Xihanúc, Yêng Xari tỏ ra khó chịu, có lúc y thẳng thừng phê phán: "Quốc trưởng đã quá nhiều thiện cảm với Việt Nam, đề cao Việt Nam quá mức!".



Một hôm, Quốc trưởng Xihanúc bỏ nghỉ trưa một mình loay hoay viết viết xóa xóa, nét mặt đăm chiêu, có lúc lại ra vẻ sảng khoái... Rồi giữa một buổi trưa gió tây nóng bỏng, Quốc trưởng mời mọi người trong đoàn tới, tự giới thiệu mình là nhà thơ và nhạc sĩ tài tử rồi hào hứng tay đàn, miệng hát bài hát ông vừa sáng tác. Lời hát có đoạn:

*“Hỡi các bạn Việt Nam,
Các bạn đã đưa tôi
đến biên giới Campuchia
Qua con đường Hồ Chí Minh
Cảm ơn đường Hồ Chí Minh
Con đường chiến thắng
Mang tên rất vinh quang
Người anh hùng nhân dân vĩ đại”.*

(Theo bài của KHẮC TIẾP)



BỮA CƠM TẾT CUỐI CÙNG CỦA BÁC HỒ

Năm nào cũng vậy, ngày đầu xuân, Bác Hồ thường đi thăm hỏi, chúc Tết đồng bào, chiến sĩ. Riêng Tết Đinh Mùi (1967), vì không được khỏe, Bác đề nghị Bác Tôn và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đi thay.

Nhưng đến Tết Kỷ Dậu (1969), như linh cảm thấy đây là cái Tết cuối cùng của đời mình, nên dù sức khỏe đã giảm sút nhiều Bác vẫn quyết định đặt chương trình đi chúc Tết như thường lệ. Bác muốn lên thăm một đơn vị thông tin anh hùng ở Ba Vì, trại chăn nuôi của anh hùng Hồ Giáo, một hợp tác xã ở Sơn Tây, trường Nguyễn Văn Trỗi, và tham gia tết trồng cây. Các đồng chí Trung ương lo cho sức khỏe của Bác, đề nghị Bác bỏ chương trình này, nhưng Bác không đồng ý, cuối cùng phải thu xếp đi thăm bộ đội phòng không ở Bạch Mai - Hà Nội và trồng cây đa trên đồi Vật Lại - Hà Tây.

Sau khi cùng cán bộ, đồng bào địa phương trồng cây, Bác hỏi Chủ tịch và Bí thư Đảng ủy xã.

- Thế bây giờ các chú có mời Bác ăn Tết không?



Hai người vui vẻ nói:

- Thưa Bác, chúng cháu đã chuẩn bị, xin mời Bác.

Bác cười bảo:

- Nhưng thôi, cảm ơn các chú, Bác không ăn. Chú Kỳ đã lo cơm Tết cho Bác rồi. Bác mời Chủ tịch, Bí thư và cô Phó Chủ tịch cùng ăn cơm với Bác và đồng chí Nguyễn Lương Bằng ở đây. Chú Kỳ và chú Cẩn sẽ đến ăn cơm với xã. Vì sao Bác không ăn cơm của các chú, chú Kỳ sẽ nói...

... Dưới tán cây đồi Vạt Lại, bữa cơm Tết đã được bày dọn trên chiếc chiếu trải giữa mặt đất. Có đủ bánh chưng, giò, thịt mỡ, dưa hành, lại có cả canh nóng... Ba cán bộ xã cùng ông Nguyễn Lương Bằng và cháu Lộc (con ông Nguyễn Hữu Thọ) quây quần bên Bác Hồ, ăn uống vui vẻ. Thấy Bác ăn mỗi thức một ít tỏ ra ngon miệng, ai cũng vui.

Ăn xong, Bác ngả lưng xuống chiếc chiếu giữa thảm cỏ, nhường chiếc giường xếp của mình cho ông Bằng và cháu Lộc.

Nghỉ ngơi khoảng mười phút. Bác đã dậy sửa soạn để trở về Hà Nội.

Về việc vì sao Bác Hồ đi đâu cũng cho chuẩn bị sẵn cơm nước mà không ăn cơm của các địa phương mời. Ông Vũ Kỳ kể lại:

- Lần ấy, Bác về thăm Hưng Yên, các đồng chí ở tỉnh mời Bác ăn cơm, Bác vui vẻ nhận lời. Bữa cơm ấy khá thịnh soạn, có thịt gà, thịt lợn, thịt bò.

Ít lâu sau, ông Hoàng Anh lên báo cáo về tình hình công tác tài chính, nhân thể hỏi Bác:

- Vừa rồi Bác đến thăm Hưng Yên, địa phương có làm thịt bò mời Bác không mà bản thanh toán tài chính của tỉnh có ghi rõ “thịt một con bò”?

Bác liền quay sang ông Vũ Kỳ:

- Có đấy, phải không chú Kỳ nhỉ? - rồi nói với ông Hoàng Anh: - Đúng đấy, hôm ấy thịt bò làm ngon lắm. Chú nhớ cứ thanh toán cho Bác.

Từ ấy về sau, đến đâu Bác cũng không nhận lời mời ăn cơm khách nữa.

(Theo bài của NGUYỄN ĐÌNH CẨN
viết theo lời kể của ông VŨ KỲ)

BA NGÔI NHÀ LỊCH SỬ TRONG PHỦ CHỦ TỊCH

Trong quần thể Khu di tích Phủ Chủ tịch ở Hà Nội có ba ngôi nhà nhỏ mà Bác Hồ đã ở, làm việc từ cuối năm 1954 cho đến lúc Người qua đời.

Ngày 19-12-1954, Hồ Chủ tịch chuyển tới làm việc tại đây. Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Chính phủ mới Bác ở ngôi nhà lớn (trước là Phủ toàn quyền Đông Dương). Bác từ chối, tự chọn cho mình một ngôi nhà nhỏ cạnh ao cá phía sau, trước kia là nơi ở của một người thợ điện phục vụ trong phủ Toàn quyền. Ngôi nhà này trần thấp, mùa nắng thì nóng bức, mùa mưa thì ẩm lạnh. Nhưng Bác đã ở và làm việc tại đây hơn ba năm...

Đó là ngôi nhà mà ngày nay gọi là “Di tích 54”.



Để đảm bảo sức khỏe cho Bác, mùa hè 1958, Bộ Chính trị quyết định xây dựng cho Bác một ngôi nhà mới, giao cho Cục Kiến thiết cơ bản của Tổng cục Hậu cần quân đội thiết kế và thi công.



Bác mời kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh - người được quân đội giao nhiệm vụ thiết kế đến gặp, nêu ý kiến là ngôi nhà mới sẽ theo kiểu nhà sàn Việt Bắc. Bác còn hướng dẫn nên dùng gỗ gì, tầng trên, tầng dưới, cầu thang... nên ra sao.

Bác không đồng ý với đồ án ban đầu tầng trên ba phòng, có phòng ngủ, phòng ăn và phòng làm việc. Bác bảo:

- Nhà sàn Việt Bắc chỉ có một gian.

Sau nhiều lần đề nghị, Bác mới thuận cho làm ngôi nhà dài 10.5m, rộng 6.2m, tầng trên hai phòng, mỗi phòng 11m². Ý định của Bác là Bác ở và làm việc một phòng, còn một phòng dành cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Nhưng rồi Thủ tướng lấy có gia đình riêng và nhiều công việc khác, ngại ảnh hưởng đến Bác. Vì vậy, Bác mới dùng cả hai phòng, một để ngủ và một để làm việc... Tầng dưới là phòng họp, ngoài bộ bàn ghế đặt chính giữa, cũng theo gợi ý của Bác, xung quanh xây bệ xi măng trên lát ván để các cháu bé ngồi khi vào thăm Bác.

Khởi công từ đầu tháng 4-1958, hơn một tháng rưỡi, ngôi nhà hoàn thành vào 17-5. Đúng sinh nhật 19-5-1958, Bác sang ở và làm việc tại ngôi nhà sàn lịch sử.

Chính tại nơi này, ngày 17-7-1966, trong lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước, Bác Hồ đã nêu lên chân lý "Không có gì quý hơn Độc lập - tự do", và vào 9 giờ

ngày 10-5-1965, Bác bắt đầu viết bản *Di chúc* của Người để lại cho toàn Đảng, toàn Dân, toàn Quân ta.

Ngôi nhà sàn đã được xếp hạng *Di tích lịch sử*, và từ năm 1970 đến năm 1997 đã có hơn 21 triệu lượt khách trong nước và ở 150 nước trên thế giới đến thăm. Riêng năm 1997 trong số 1.016.499 lượt khách, thì khách quốc tế là 190.793 lượt người, trong đó có 55 đoàn nguyên thủ và cao cấp của các nước...

Ngày 17-8-1969, sau đợt kiểm tra sức khỏe định kỳ các bác sĩ đề nghị Bác không lên xuống nhà sàn nữa. Bác mới rời nơi đây đến ở ngôi nhà H67.

Ngôi nhà này được khởi công xây dựng ngày 1-5-1967 và hoàn thành ngày 30-6-1967 do Cục Công trình Bộ Tư lệnh công binh thiết kế và thi công. Ngôi nhà chỉ có một phòng dài 15.5m, rộng 11m, cao 4.6m, tường và mái đổ bằng bê tông cốt thép dày 0.6m, giống như một chiếc hầm nổi, có thể chống được bom hang nặng và đạn rốc-két...

Vào những ngày chống Mỹ ác liệt, Bộ Chính trị rất lo lắng về sự đảm bảo an toàn cho Bác, nên quyết định xây ngôi nhà hầm này. Bác biết chuyện liền can:

- Trong khi đất nước còn nghèo, còn chiến tranh, cần để vật liệu xây dựng nhà ở hầm trú ẩn cho dân.

Biết không thể làm cho Bác thay đổi ý kiến, nhân dịp Bác sang thăm và làm việc tại Trung Quốc vào hai tháng 5 và 6-1967, Bộ Chính trị bèn cho xây ngôi nhà theo kế hoạch đã định.



Ngày 20-7-1967 đi công tác về, thấy có ngôi nhà mới phía sau nhà sàn, Bác tỏ ý không hài lòng. Bác nhiều lần hỏi đây là sáng kiến của ai, ai quyết định cho xây dựng. Thủ tướng Phạm Hùng đến báo cáo “Đây là sáng kiến của tập thể Bộ Chính trị, chứ không phải của cá nhân nào”. Bác liền nói:

- Nếu đây là sáng kiến của Bộ Chính trị, của tập thể, Bác phải chấp hành. Nhưng nhà của Bộ Chính trị làm thì dùng để họp Bộ Chính trị chứ Bác không ở.

Kể từ đó, ngôi nhà này trở thành phòng họp Bộ Chính trị và là nơi Bộ Chính trị làm việc với Bác. Cho đến ngày 17-8-1969 theo đề nghị của các bác sĩ, Bác Hồ mới xuống ở đây dưỡng bệnh.

Mặc dầu đã rất mệt nhưng trong tuần đầu, Bác vẫn nghe các đồng chí trong Bộ Chính trị đến báo cáo công việc, vẫn theo dõi tình hình qua báo, qua đài. Lúc bệnh đã nặng, Bác vẫn nhắc nhở phải lo phòng chống lũ lụt ở sông Hồng. Bác thường hỏi: Đời sống nhân dân ra sao? Hôm nay miền Nam đánh thắng ở đâu? Bác dặn: Bộ Quốc phòng cần tặng Huy hiệu của Người cho những người có thành tích chiến đấu.

Chính tại ngôi nhà H67 này, Bác đã qua đời hồi 9 giờ 47 phút ngày 2-9-1969.

(Theo bài của NGUYỄN ANH MINH)



BỨC TƯỢNG - NGÔI ĐỀN BIỂU TƯỢNG CỦA LÒNG DÂN

Nhân kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, tại Bảo tàng Quân khu I đã làm lễ khánh thành xây dựng Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bức tượng Bác do cụ Đàm Hình, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thái Nguyên, dùng số tiền do cụ dành dụm hơn mười năm qua, đúc và có nhà ý tặng Bảo tàng.

Tượng cao 2,25m, nặng 4.300kg do tổ nghệ nhân đúc đồng gồm mười người quê làng Xuân Tiến (Xuân Trường, Nam Định) đảm nhiệm thể hiện theo mẫu của nhà điêu khắc Hứa Tử Hoài, tại chùa Tân Quang, thị xã Sông Công...

Sư Cụ Đàm Hình vốn mồ côi cha mẹ từ khi lên bảy, từng sống cuộc đời cơ hàn trước khi vào chùa tu hành... Ở những nơi cụ trụ trì như chùa Hang, chùa Huống, chùa Tân Quang..., từ khi Bác Hồ qua đời, đều có một gian đặt bàn thờ Bác. Năm 87 tuổi sư cụ quyết định đúc pho tượng Bác Hồ để tỏ lòng kính yêu và biết ơn Người. Sư cụ xúc động nói:

- Bác Hồ là vị cha già suốt đời phấn đấu hy



sinh cho Tổ quốc, cho nhân dân. Bức tượng hiến tặng ngày hôm nay sẽ nhắc nhở con cháu luôn noi theo lớp người đi trước.



Cũng nhân dịp kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và 110 năm sinh của Người, ngôi đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh trên núi Ba Vì (Hà Tây) cũng đã khánh thành.

Đền dựng trên ngọn cao nhất dãy núi mà truyền thuyết dân gian gọi là đỉnh Vua, 1.296 mét. Đền được cấu tạo bằng bê tông bền vững uy nghiêm, mà thanh thoát, ẩm cúng theo đúng bản sắc dân tộc với những cây cột mái rầm, xà ngang, lan can trông như là gỗ quý...

Ở vị trí chính trong đền đặt bức tượng Bác đang đọc Báo Nhân dân bằng đồng đặt trên bệ đá. Trên cao là lá cờ Tổ quốc ghép bằng đá màu đỏ. Phía dưới, hai bên phải, trái treo chuông đồng, khánh đồng... Đặc biệt, trên tấm bia đá lớn trích khắc một số phần bản *Di chúc* của Bác đúng theo nét chữ của Người.

Đi lên đền trên đỉnh Vua, du khách phải bước lên 779 bậc đá gồ ghề, rộng hẹp khác nhau, giữa khu rừng nguyên sinh vườn quốc gia Ba Vì, được các chiến sĩ quân đội, cán bộ nhân viên kiểm lâm và



thanh niên tình nguyện · những người xây dựng đền
- chăm sóc, bảo vệ chu đáo...

Đứng trước đền, nhìn bao quát xung quanh, quả
là đúng như câu thơ của Bác:

*“... Trùng sơn đặng đảo cao phong hậu
Vạn lý dư đồ cố niệm gian”.*

Nam Trân dịch:

“Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non...”

(Ngục trung nhật ký)

(Theo bài của DUY CHIẾN - HỒNG TIẾN
và bài của NGUYỄN ANH DŨNG



TẮM LÒNG CỦA BÁC HỒ VỚI CHIẾN SĨ

Đối với chiến sĩ là những người hy sinh nhiều nhất cho dân tộc, Bác Hồ thường dành cho anh em sự chăm lo, săn sóc ân tình, chu đáo nhất.

Mùa đông, thương anh em chiến sĩ rét mướt ở rừng núi hay bung biển, Bác đem tấm áo lụa của mình được đồng bào tặng, bán đấu giá để lấy tiền mua áo ấm gửi cho các chiến sĩ.

Bác thường nói: "Chiến sĩ còn đói khổ, tôi ăn ngon sao được!". "Chiến sĩ còn rách rưới, mình mặc thế này cũng là đầy đủ lắm rồi!".

Mùa hè năm ấy (1967), trời Hà Nội rất nóng. Sức khỏe Bác Hồ đã kém, thần kinh tuổi già cũng suy nhược, dễ bị toát mồ hôi, ướt đẫm, có ngày phải thay mấy lần quần áo, có khi hong tại chỗ, rồi lại thay ngay. Bác không cho dùng máy điều hòa nhiệt độ. Bác bảo: mùi nó hôi lắm, Bác không chịu được! (Bác không dùng nên nói vậy thôi, chứ máy đã có nút xả thơm).

Thấy trời oi bức quá, Bác nói với đồng chí Vũ Kỳ:

- Nắng nóng thế này, các chú bộ đội trực phòng



không trên nóc hội trường Ba Đình thì chịu sao được? Các chú ấy có đủ nước uống không? Chú thử lên tìm hiểu xem thế nào, về cho Bác biết.

Đồng chí Vũ Kỳ lên, được biết trên đó có một tổ súng máy 14 ly 5. Ụ cát sơ sài, nếu địch bắn vào thì chỉ có hy sinh, rất nguy hiểm.

Trời nắng chói, đứng một lúc mà hoa cả mắt. Đồng chí Vũ Kỳ hỏi:

- Các đồng chí có nước ngọt uống không?

- Nước chè thường còn chưa có, lấy đâu ra nước ngọt!

Đồng chí Vũ Kỳ về nói lại với Bác, Bác gọi điện ngay cho đồng chí Văn Tiến Dũng:

- Sao các chú không lo đủ nước uống cho các chiến sĩ trực phòng không? Nghe nói ụ súng trên nóc hội trường Ba Đình rất sơ sài, chú phải lo sửa ngay để đảm bảo an toàn cho chiến sĩ trong chiến đấu!

Sau đó Bác bảo đồng chí Vũ Kỳ đi lấy sổ tiết kiệm của Bác, xem tiền tiết kiệm của Bác còn bao nhiêu.

Tại sao Bác có tiền tiết kiệm? Lương Bác cao nhất nước, nhưng hàng tháng cũng chỉ đủ tiêu. Mọi chi phí cho sinh hoạt của Bác, từ cái chổi lông gà, đều ghi vào lương cả.

Tiền tiết kiệm của Bác là do các báo trả nhuận bút cho Bác. Bác viết báo nhiều, có năm hàng trăm bài. Các báo gửi đến bao nhiêu, văn phòng đều gửi

vào sổ tiết kiệm của Bác. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Bác cũng đã có tiền tiết kiệm. Đến dịp tết Nguyên đán, Bác lại đem chia cho cán bộ các cơ quan chung quanh Bác, mua lợn để đón xuân.

Đồng chí Vũ Kỳ xem sổ và báo cáo:

- Thừa Bác, còn lại tất cả hơn 25.000 đồng (lúc đó là một món tiền rất lớn, tương đương với khoảng 60 lạng vàng).

Bác bảo:

- Chú chuyển ngay số tiền đó cho Bộ Tổng tham mưu và nói: đó là quà của Bác tặng để mua nước ngọt cho anh em chiến sĩ trực phòng không uống, không phải chỉ cho những chiến sĩ ở Ba Đình, mà cho tất cả các chiến sĩ đang trực chiến trên mâm pháo ở khắp miền Bắc. Nếu số tiền đó không đủ thì yêu cầu địa phương nào có bộ đội phòng không trực chiến góp sức vào cùng lo!

Về sau, Bộ Tư lệnh Phòng không Không quân báo cáo lại cho Văn phòng Phủ Chủ tịch biết: số tiền của Bác đủ mua nước uống cho bộ đội phòng không, không quân được một tuần!

TẮM LÒNG CỦA BÁC

Trong những ngày ra thăm miền Bắc, đoàn anh hùng, dũng sĩ miền Nam được Bác chăm lo, ân cần như cha đối với con. Bác bảo tôi (vì tôi được phụ trách theo dõi sức khỏe và đời sống của đoàn):

- Cô Bi phải chăm sóc các cô, các chú ấy thật tốt, đừng để các cô các chú ấy ốm.

Một bữa, đồng chí Huỳnh Văn Đánh bị sốt rét, Bác biết được, gọi tôi lên hỏi:

- Chú Đánh bị sốt ra sao?

Tôi báo cáo tình hình của đồng chí Đánh cho Bác. Bác nhắc:

- Cô phải cho các cô, các chú ấy ăn uống đầy đủ, chú ý các món ăn của địa phương để các cô, các chú ấy ăn được nhiều, sức khỏe mới tốt.

Một hôm khác, Bác chỉ vào Trần Dưỡng và hỏi tôi:

- Cô Bi, tại sao chú Dưỡng hơi gầy?

Bác nghe anh hùng Vai kể chuyện quê hương miền núi nghèo khổ của mình. Bác cảm động nói:

- Thống nhất Bắc vô Nam, thế nào cũng về thăm quê hương cháu Vai..



Trong những ngày sống bên Bác, tôi càng thấm thía hơn tình cảm của Bác đối với đồng bào miền Nam. Chị Tạ Thị Kiều nói với tôi:

- Càng được gần Bác, càng thấy Bác thương yêu dân miền Nam ta quá chị à.

Nói xong, hai chị em lại khóc vì sung sướng và cảm động trước tấm lòng của Bác Hồ.

BÁC HỒ TẮM CHO TRẺ Ở VIỆT BẮC

Hơn một năm xa Tổ quốc, trải qua ngót ba chục nhà tù của Tưởng Giới Thạch gần khắp Quảng Tây, Bác Hồ trở về Pắc Bó cuối năm 1944.

Nhìn thấy việc giữ vệ sinh nước ăn và nơi ở chưa được dân ở đây chú ý, Bác bảo chúng tôi cùng Bác bắt tay dọn dẹp. Một buổi sáng Bác bảo các cháu xếp hàng đi ra phía khe nước.

Người tự tay cởi quần áo cho các cháu bé, lần lượt tắm rửa, kỳ cọ cho từng cháu. Chúng vừa tắm, vừa đùa, bắn cả nước vào mặt Bác.

Trong số bọn trẻ được Bác tắm cho hôm đó có cháu Thân (con trai tôi) chốc đầu, tóc dính bết. Tắm gội xong, Bác còn làm thuốc dịt cho. Thuốc xốt, thấy cháu kêu, Bác Hồ dỗ dành ngọt ngào:

- Không sao, chỉ một lát là hết xốt ngay thôi cháu ạ.

Rồi Bác nói với đám thanh niên chúng tôi đứng quanh đó:

- Các cô, các chú, vợ chồng còn trẻ phải giữ gìn quanh năm sạch sẽ cho con cái, bệnh ghẻ lây nhanh lắm đấy, thật khổ cho cháu tôi.



Chúng tôi im lặng, cảm động. Trông thấy mấy cháu mặc quần áo bẩn và rách, Bác không vui:

- Các cháu này con cô chú nào đây? Lấy áo sạch thay cho trẻ, còn mang quần áo bẩn đi giặt, chỗ nào rách thì khâu lại.

Bà cố tôi gần một trăm tuổi, nghe vậy xuýt xoa thán phục, nói:

- Ông già này là con người quý giá lắm đấy.

Rồi bà cố bảo tôi bung một bát cháo có đánh trứng gà lại mời Bác Hồ. Bác tỏ vẻ không bằng lòng:

- Các đồng chí làm cách mạng, tôi cũng làm cách mạng, tại sao tôi được ăn đặc biệt hơn các đồng chí?

Và Người đứng dậy bê bát cháo trứng gà mời cố tôi ăn và nói:

- Đây mới là người cần được đặc biệt bồi dưỡng. Bà đã sống gần trăm tuổi rồi, khổ cực nhiều rồi, cần ăn cho khỏe để sống đến ngày đất nước độc lập, vui hưởng thái bình.

NHỮNG LỜI BÁC DẠY ĐẦU TIÊN

Mùa thu năm 1946, tôi và ba đồng chí nữa được vinh dự theo Bác về nước trên chiếc tàu Duy-mông Duéc-vin. Tàu này là một chiếc tàu chiến đã cũ, chạy lừ đừ chậm chạp. Lúc bấy giờ, tình hình ở trong nước đang căng thẳng, ai nấy đều sốt ruột mong về sớm, nhưng giờ đây nghĩ lại, đối với chúng tôi, đó là một dịp may hiếm có để được kéo dài những ngày chung sống với Bác.

Trên chuyến xe lửa từ Pa-ri đi Mác-xây, Bác nói:

- Nước ta còn nghèo vì 80 năm bị đế quốc bóc lột, chiếm đóng. Đồng bào Nam Bộ giờ đây còn đổ máu. Chúng ta còn gian khổ chiến đấu nhiều chứ chưa được sung sướng ngay đâu. Các chú về nước chính là để phục vụ Tổ quốc, phục vụ đồng bào...

Lên tàu rồi, một hôm Bác dặn:

- Ở nhà không có gì đâu. Nước ta thiếu máy móc, nguyên liệu, thiếu cả thợ lành nghề, tiền của ta lại ít. Song nước ta giàu về rừng núi, sông biển, đồng bào ta giàu về quyết tâm, dũng cảm và sáng tạo. Các chú về phải chịu thương, chịu khó làm ăn, đưa những cái đã học ở nước ngoài về áp dụng thiết

thực vào trong nước, giúp đỡ và hướng dẫn anh em trong nước cùng làm.

Tôi còn nhớ lúc đi tàu, thỉnh thoảng có những hôm tên đại tá chỉ huy tàu tổ chức tập trận giữa biển cả mênh mông, tiếng súng đại bác, súng máy các loại thi nhau gầm thét, khói mịt mù, nước biển tung toé ngoài khơi. Trong chúng tôi, thoát tiên cũng có người hồi hộp, nhưng riêng Bác vẫn điềm nhiên, ung dung hút thuốc lá, đứng xem. Bác mỉm cười bảo chúng tôi:

- Đây, người ta thử kiểm tra tinh thần của các chú. Các chú có sợ không?

Nhân đó Bác chỉ cho chúng tôi thấy bọn đế quốc thường hay phô trương, khoe khoang về sức mạnh vật chất, còn nhân dân cách mạng tuy nghèo nhưng hàng triệu người đoàn kết thành một khối, có tinh thần dũng cảm và mưu trí, nhất định đánh bại được bọn chúng....

'Lại Đại hội liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất, tôi được Bác khen...

Vinh dự đó thuộc về anh em ngành quân giới, trong đó tôi nhờ sự chỉ bảo dẫn dắt của Bác đã đóng góp một phần.

Những lời dạy của Bác như bức cẩm nang quyết định mọi thắng lợi trong công tác của tôi.

(Theo thiếu tướng TRẦN ĐẠI NGHĨA,
Báo *Hậu Giang*, số 395 ngày 30-3-2007)



PHẢI QUAN TÂM ĐẾN MỌI NGƯỜI HƠN

Hồi trường Đảng Nguyễn Ái Quốc còn ở căn cứ kháng chiến Việt Bắc, một lần Bác Hồ đến dự lễ bế giảng của trường. Xuống thăm nhà bếp, Bác thấy làm cỗ có vẻ linh đình, Bác nói với đồng chí phụ trách trường: "Này, bẻ mặc, chứ không phải "bẻ bụng" đâu nhé! Kháng chiến còn khó khăn lắm đây, các chú ạ".

Đến bữa ăn, thấy mâm cơm chỉ có một bát, một đôi dưa, Bác hỏi: "Thế Bác ăn với ai?". Đồng chí phụ trách gãi đầu gãi tai: "Dạ, xin để Bác ăn riêng cho tiện...". Bác ngắt lời: "Không tiện gì cả. Thế ra các chú muốn cho Bác ăn trên ngai tróc à?". Và Bác đòi phải bê các món ăn của cán bộ, nhân viên nhà trường lên cho Bác xem, rồi Bác bảo kê thêm bàn ghế cho mọi người cùng ăn với Bác. Bố trí xong xuôi cả rồi, Bác mới vui vẻ, bảo mọi người: "Ngồi cả vào đây, ăn chung với Bác, ăn một mình thì Bác ăn sao được?". Khi Bác lên nói chuyện với các học viên, đồng chí phụ trách trường giới thiệu: "Bác Hồ sẽ huấn thị cho chúng ta". Bác cười mà bảo rằng: "Tôi nói chuyện với các đồng chí thôi, chứ có "huấn thị" gì đâu".



Buổi tối, Bác ở lại trường để làm việc. Các đồng chí mang đến cho Bác một chiếc đèn ta đặng rất sáng. Khoảng 9-10 giờ tối, Bác cầm đèn đó xuống văn phòng trường và bảo rằng: "Đèn này to, tốn dầu lắm! Bác còn làm việc khuya, một chiếc đèn con thôi cũng đủ. Các đồng chí đổi cho Bác chiếc đèn khác".

Sáng sớm hôm sau, trước khi Bác chia tay trường, đồng chí phụ trách hỏi Bác có điều gì căn dặn thêm về công việc của trường. Người nói: "Tôi chỉ mong là các đồng chí đừng quan tâm đến tôi quá mà phải quan tâm đến mọi người hơn".

ĐỜI SỐNG CỦA NHÂN DÂN CÒN QUAN TRỌNG HƠN

Năm 1951, hai nhà quay phim chiến sĩ miền Nam Nguyễn Thế Đoàn, Lê Minh Hiền được tham gia vào đoàn cán bộ miền Nam ra Việt Bắc.

Đoàn đã được Bác Hồ tiếp thân mật và tổ chức đón tiếp long trọng tại Văn phòng Chủ tịch nước. Riêng mấy anh em điện ảnh miền Nam còn được Bác mời đến trong một cuộc liên hoan lửa trại đầm ấm. Anh em đề nghị Bác cho phép "quay" một số cảnh làm việc, sinh hoạt của Bác. Bác đồng ý. Với chiếc máy quay phim "cổ lỗ sĩ" và một số mét phim ít ỏi, Lê Minh Hiền đã ghi được một số hình ảnh quý giá - cho đến ngày nay là vô giá - về Bác Hồ.

Đồng chí Hiền và đồng chí Đoàn vẫn còn áy náy là Bác mặc quần áo giản dị quá, sợ mang về miền Nam chiếu lên, đồng bào có thể là quá xúc động hoặc là chê trách người quay phim. Đồng chí Đoàn bàn với đồng chí Hiền là đề nghị Bác mặc bộ ka ki đại cán, kiểu Tôn Trung Sơn, bộ đẹp nhất của Bác để quay "cho đẹp".

Tưởng Bác đồng ý, nào ngờ Bác nói:



- Bác như thế đấy, có thể nào các chú cứ thế mà quay.

"Thua" keo này, lại bày keo khác. Lâu lâu hai anh em lại "xin" Bác mặc đại cán "cho". Thấy các nghệ sĩ năn nỉ mãi, Bác cũng đành mặc "cho" đôi ba lần, những khi cần thiết... Tổ làm phim còn quay được một số cảnh Bác đánh máy chữ, trồng rau xanh, đi công tác lội suối, cưỡi ngựa. Anh em còn định xin quay một số cảnh nữa về đời sống hằng ngày của Bác.

Bác nói:

- Thôi! Đời sống của Bác lúc này không quan trọng bằng đời sống của nhân dân.



CÂU CHUYỆN VỀ BA CHIẾC BA LÔ

Trong những ngày sống ở Việt Bắc, mỗi lần Bác đi công tác, có hai đồng chí đi cùng. Vì sợ Bác mệt, nên hai đồng chí định mang hộ ba lô cho Bác, nhưng Bác nói:

- Đi đường rừng, leo núi ai mà chẳng mệt, tập trung cõ vật cho một người mang đi thì người đó càng chóng mệt. Cứ phân ra mỗi người mang một ít.

Khi mọi thứ đã được phân ra cho vào 3 ba-lô rồi, Bác còn hỏi thêm:

- Các chú đã chia đều rồi chứ?

Hai đồng chí trả lời:

- Thưa Bác, rồi ạ.

Ba người lên đường, qua một chặng, mọi người dừng chân, Bác đến chỗ đồng chí bên cạnh, xách chiếc ba lô lên.

- Tại sao ba lô của chú nặng mà Bác lại nhẹ?

Sau đó, Bác mở cả 3 chiếc ba lô ra xem thì thấy ba lô của Bác nhẹ nhất, chỉ có chăn, màn. Bác không đồng ý và nói:

- Chỉ có lao động thật sự mới đem lại hạnh phúc cho con người.

Hai đồng chí kia lại phải san đều các thứ vào 3 chiếc ba lô.



KHÔNG AI ĐƯỢC VÀO ĐÂY

Sách "Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử", tập 10, do Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành năm 1996, trang 334, có đoạn:

"Ngày 27 tháng 4 năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh nghe hai đồng chí: Lê Đức Anh và Chu Huy Mân báo cáo công việc, sau đó Người mời hai đồng chí ở lại ăn cơm với Người".

Sáng hôm ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi bỏ phiếu bầu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã... Người bỏ phiếu tại hòm phiếu số 6, đơn vị 1, tiểu khu 1, khu phố Ba Đình, Hà Nội, đặt tại Nhà thuyền Hồ Tây.

Khi Bác Hồ đến, trong Nhà thuyền đã có nhiều cử tri đang bỏ phiếu. Tổ bầu cử thấy Bác đến, ra hiệu để đồng bào tạm dừng và tạo "điều kiện" để Bác bỏ phiếu trước. Biết ý, Bác nói "sòng phẳng":

- Ai đến trước, viết trước, Bác đến sau, Bác chờ. Rồi Bác chờ cho đến hàng mình, mới nhận phiếu và vào "buồng" phiếu.

Nhà báo Ma Cường chợt nghĩ thật là "hạnh phúc



một đời của người làm báo", "cơ hội ngàn năm có một" và vội giơ máy lên bấm, rất nhanh, Chủ tịch Hồ Chí Minh lấy tay che phiếu lại, nói với Ma Cường:

- Không ai được vào đây. Đây là phòng viết phiếu kín của cử tri. Phải bảo đảm tự do và bí mật cho công dân.

Nhà báo buông máy, nhưng vẫn thấy hạnh phúc.

Theo lời kể của các đồng chí ở gần Bác, trước khi đi bầu cử Bác không cho ai "gợi ý" cả, Bác nói:

- Ấy, đừng có "lãnh đạo" Bác nhé. Bác không biết đảng uỷ hướng dẫn danh sách để ai, xoá ai đâu nhé. Đưa lý lịch của những người ứng cử đây để Bác xem. Có chú nào dự buổi ứng cử viên trình bày ý kiến với cử tri, nói lại để Bác cân nhắc, Bác tự bầu.

BÁT CHÈ SẼ ĐÔI

Đồng chí liên lạc đi công văn 10 giờ đêm mới đến. Bác gọi mang ra một bát, một thìa con. Rồi Bác đem bát chè đậu đen, đường phèn, mà anh em phục vụ vừa mang lên, sẽ một nửa cho đồng chí liên lạc.

- Cháu ăn đi!

Thấy đồng chí liên lạc ngần ngại, lại có tiếng đằng hắng bên ngoài, Bác giục:

- Ăn đi, Bác cùng ăn...

Cám ơn Bác, đồng chí liên lạc ra về. Ra khỏi nhà sàn, xuống sân, đồng chí cấp dưỡng bấm vào vai anh lính thông tin:

- Cậu chán quá. Cả ngày Bác có bát chè để bồi dưỡng làm đêm mà cậu lại ăn mất một nửa.

- Khổ quá, anh ơi! Em có sung sướng gì đâu. Thương Bác, em vừa ăn vừa rớt nước mắt, nhưng không ăn lại sợ Bác không vui, mà ăn thì biết cái chắc là các anh mắng mỏ rồi...



MỘT BỮA ĂN TỐI CỦA BÁC

Tháng 4 năm 1946, giữa lúc đất nước đang bẽ bộn công việc, thì Bác vẫn dành những thì giờ quý báu về Ninh Bình dàn xếp những vấn đề đối nội, đối ngoại có lợi cho quốc gia. Vào khoảng ngày 10 đến 12, Bác đi qua thị xã Ninh Bình để xuống Phát Diệm. Lúc đó tôi là quyền Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh. Một dịp may hiếm có được đón Bác về tỉnh, nghĩ vậy, tôi mời đồng chí Ủy viên thư ký kiêm Phó Chủ tịch và Chánh Văn phòng đến hội ý. Hai đồng chí cũng cùng chung một ý nghĩ như tôi.

Tôi phân công đồng chí Phó Chủ tịch huy động nhân dân ra tập trung đón Bác, đồng chí Chánh Văn phòng chuẩn bị cơm mời Bác, còn tôi phụ trách việc dọn dẹp văn phòng, chuẩn bị chỗ nghỉ và chỗ ngủ cho Bác qua đêm.

Quả như tôi dự đoán, sáu giờ chiều thì xe Bác về đến phía nam thị xã Ninh Bình. Nhân dân đã vây cờ, hô khẩu hiệu rồi ùa xuống lòng đường đón Bác. Bác ra khỏi xe vây chào nhân dân. Nhân lúc đó chúng tôi mời Bác vào trụ sở Ủy ban hành chính tỉnh.



Trước sự nhiệt tình của nhân dân thị xã, không nỡ từ chối, Bác đã vào gặp Ủy ban hành chính tỉnh Ninh Bình.

Đến cổng cơ quan, Bác bảo đồng chí lái xe dừng lại rồi xuống đi bộ. Vừa đi Bác vừa hỏi tình hình đời sống của nhân dân, đặc biệt đồng bào ở vùng công giáo. Chúng tôi báo cáo với Bác về những khó khăn trong tỉnh, một số nơi nông dân còn bị đói.

Bác căn dặn chúng tôi phải chú ý đoàn kết lương giáo, động viên bà con tích cực tăng gia sản xuất để chống đói, chú ý công tác diệt giặc dốt, mở nhiều lớp bình dân học vụ vào buổi trưa, buổi tối, vận động bà con đi học.

Chúng tôi mời Bác nghỉ lại cơ quan cho đỡ mệt rồi dùng bữa tối. Thực ra bữa cơm chúng tôi chuẩn bị cho Bác không có gì ngoài một con gà giò luộc, nước dấm nấu bí đao, vì lúc đó kinh phí của Ủy ban hành chính tỉnh cũng hết sức khó khăn.

Bác nói:

- Hàng ngàn đồng bào đang chờ Bác ngoài kia, Bác không thể nghỉ ở đây đó ăn cơm được vì 9 giờ tối Bác đã có việc ở Chủ tịch phủ. Bây giờ các chú giúp Bác: một chú ra tập hợp đồng bào vào một ngã tư rộng gần đây để Bác ra nói chuyện với đồng bào mười phút, một chú ra cửa hàng bánh mua cho Bác một cặp bánh giò. Còn các chú đi với Bác thì tranh thủ ăn cơm trước. Nói chuyện xong, Bác ngược Hà Nội ngay



cho kịp hẹn. Trong xe Bác sẽ ăn bánh vừa đỡ tốn kém, vừa tiết kiệm được thời gian cho Bác.

Chúng tôi vâng lời Bác làm theo.

Nói chuyện với đồng bào Ninh Bình hôm đó, Bác nhấn mạnh:

- Đồng bào chú ý đoàn kết lương giáo vì âm mưu của kẻ thù luôn tìm cách chia rẽ đồng bào lương giáo.

- Đồng bào tích cực tăng gia sản xuất chống giặc đói, chống giặc dốt.

- Đồng bào chuẩn bị tinh thần chịu đựng gian khổ để chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc.

Kết thúc, Bác hỏi:

- Đồng bào có đồng ý thực hiện ba điều tôi nêu ra không?

- Đồng ý! Đồng ý! Hồ Chủ tịch muôn năm.

Hàng ngàn nắm tay gân guốc giơ lên hưởng ứng. Tiếng hô và tiếng vỗ tay râm ran.

Bác vẫy tay chào đồng bào rồi lên xe về Hà Nội. Xe đi được một quãng Bác mới bắt đầu dùng "bữa ăn tối" của mình.

CHÚ CÒN TRẺ, CHÚ VÀO HÀM TRƯỚC ĐI

Một ngày tháng 7 năm 1967 ở Hà Nội, đồng chí Mai Văn Bộ được Bác Hồ gọi đến mời cơm tiễn chân trước khi đồng chí lên đường đi Pari nhận nhiệm vụ Tổng đại diện Chính phủ ta bên cạnh Chính phủ Pháp.

Trong bữa cơm, Bác kể chuyện về khu Luýc-xăm-bua, Mông-pac-nát, nơi Bác có nhiều kỷ niệm. Bác nói Bác rất yêu Pari, Pari đã dạy cho Người nhiều điều...

Bỗng tiếng còi báo động rú lên. Một chiến sĩ bảo vệ yêu cầu Bác và các đồng chí khác xuống hầm. Ít phút sau đã nghe tiếng đạn nổ.

- Thưa Bác, tác chiến báo cáo chúng nó đánh cầu Long Biên. Mời Bác vào hầm trú ngay cho.

Bác quay lại đồng chí Bộ, nói:

- Bác già rồi, chẳng bom đế quốc nào ném đâu. Chú còn trẻ, chú cần vào hầm trú ẩn trước.

Rồi Bác đẩy đồng chí Bộ đi trước, sau đó đến đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí cảnh vệ.

Bác là người vào hầm trú ẩn sau cùng.



BÁC CÓ PHẢI LÀ VUA ĐÂU

Có một số người có ngôi cao, chức cả, sống trong sự trọng vọng, chiều chuộng của mọi người, thường xuyên được hưởng sự ưu đãi đặc biệt, lâu dần cũng quen đi mà không hề biết rằng mình đã nhiễm phải thói đặc quyền, đặc lợi.

Suốt đời tâm niệm là người công bộc của nhân dân, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, Bác Hồ của chúng ta luôn luôn hoà mình vào cuộc sống chung của đồng bào, đồng chí, không nhận bất cứ một sự ưu tiên nào người khác dành cho mình.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, nhiều nhân sĩ, trí thức cao tuổi theo Bác lên Việt Bắc, đi kháng chiến, đèo cao, suối sâu, đường bùn lầy, nhiều vị phải nằm cáng. Anh em phục vụ lo Bác mệt cũng đề nghị Bác lên cáng, Bác gạt đi: Bác còn khoẻ, còn đi được, các chú có nhiệm vụ đưa Bác đi như thế này là tốt rồi.

Cuối năm 1961, Bác về thăm xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, một xã có phong trào trồng cây tốt. Tại một ngọn đồi thấp, Bác đứng nói chuyện với nhân dân trong xã. Trời đã gần trưa,



tuy đã sang đông mà nắng còn gay gắt. Nhìn Bác đứng giữa nắng trưa, ai cũng bấn khoăn. Đồng chí chủ tịch huyện cho tìm mượn được chiếc ô, định giương lên che nắng cho Bác, thì Bác quay lại hỏi:

- Thế chú có đủ ô che cho tất cả đồng bào không? Thôi, cất đi, Bác có phải là vua đâu?

Một lần, trong bữa ăn, đồng chí phục vụ dọn lên cho Bác một đĩa cá anh vũ, một loại cá sông quý hiếm thường chỉ có ở khúc sông Hồng đoạn Bạch Hạc - Việt Trì. Nhìn đĩa cá biết ngay là của hiếm, Bác khen và bảo:

- Cá ngon quá, thế mà chú Tô (tức đồng chí Phạm Văn Đồng) lại đi vắng. Thôi, các chú để đến chiều đồng chí Tô về cùng thưởng thức.

Miếng ngon không bao giờ Bác chịu ăn một mình. Chia sẻ ngọt bùi là thế, tưởng chuyện cũng sẽ qua đi. Nhưng đến bữa sau, trong mâm cơm lại có món cá hôm trước. Nhìn đĩa cá, Bác hiểu ngay và tỏ ra không bằng lòng.

- Bác có phải là vua đâu mà phải cung với tiến!

Rồi Người kiên quyết bắt mang đi không ăn nữa. Như Bác đã từng nói, ở đời ai chẳng thích ăn ngon, mặc đẹp, nhưng nếu miếng ngon đó lại đánh đổi bằng sự mệt nhọc, phiền hà của người khác thì Bác đâu có chấp nhận.

Những anh em công tác trong Phủ Chủ tịch hàng ngày vẫn thường đi lại bằng xe đạp, thỉnh thoảng có



gặp Bác đi bộ. Nhìn thấy Bác, mọi người đều xuống đất xe chờ Bác đi qua rồi mới lên xe đi tiếp. Thấy vậy, Bác thường khoát tay ra hiệu bảo anh em cứ đi tiếp, không cần xuống xe. Nhưng ai có thể cho phép mình ngồi trên xe khi Bác đi bộ. Một lần, Bác gọi đồng chí vừa xuống đất xe lại gần và bảo:

- Các chú có công việc của mình nên cứ tiếp tục đạp xe mà đi. Bác đâu có phải là cái đèn có biển "hạ mã" ở trước để ai đi qua cũng phải xuống xe, xuống ngựa?

Lão Tử có nói: "Trời đất sở dĩ có thể dài và lâu vì không sống cho mình nên mới được trường sinh. Thánh nhân đặt thân mình ở sau mà lại lên trước, đặt thân mình ở ngoài mà lại còn". Bác Hồ sống quên mình, không nghĩ đến mình mà lại trở thành sống mãi. Lời Lão Tử thật sâu sắc lắm thay!



TỪ ĐÔI DÉP ĐẾN CHIẾC Ô TÔ

Đôi dép của Bác "ra đời" vào năm 1947, được "chế tạo" từ một chiếc lốp ô tô quân sự của thực dân Pháp bị bộ đội ta phục kích tại Việt Bắc.

Đôi dép đo cắt không dày lắm, quai trước to bản, quai sau nhỏ rất vừa chân Bác.

Trên đường công tác, Bác nói vui với anh em cán bộ đi cùng:

- Đây là đôi hài vạn dặm trong truyện cổ tích ngày xưa... Đôi hài thần đất, đi đến đâu mà chẳng được.

Chẳng những khi "hành quân" mà cả mùa công, Bác đi thêm đôi tất cho ấm chân, tiếp khách trong nước, khách quốc tế vẫn thường thấy Bác đi đôi dép ấy.

Gặp suối hoặc trời mưa trơn, bùn nước vấp dép khó đi, Bác tụt dép xách tay. Đi thăm bà con nông dân, sải chân trên các cánh đồng đang cấy, đang vụ gặt, Bác lại xắn quần cao lội ruộng, tay xách noạc nách kẹp đôi dép...

Mười một năm rồi vẫn đôi dép ấy... Các đồng chí cảnh vệ cũng đã đôi ba lần "xin" Bác đôi dép nhưng Bác bảo "vẫn còn đi được".

Cho đến lần đi thăm Ấn Độ, khi Bác lên máy bay,



ngồi trong buồng riêng thì anh em lập mẹo dấu dép đi, để sẵn một đôi giày mới...

Máy bay hạ cánh xuống Niu Đê-li. Bác tìm dép. Anh em thưa:

- Có lẽ đã cất xuống khoang hàng của máy bay rồi... Thưa Bác....

Bác ôn tồn nói:

- Bác biết các chú cất dép của Bác đi chứ gì. Nước ta còn chưa được độc lập hoàn toàn. Nhân dân ta còn khó khăn. Bác đi dép cao su nhưng bên trong lại có đôi tất mới thế là đủ lắm mà vẫn lịch sự...

Thế là các ông "tham mưu con" phải trả lại dép để Bác đi vì dưới đất chủ nhà đang nóng lòng chờ đợi...

Trong suốt thời gian ở Ấn Độ, các chính khách, nhà báo, quay phim, chụp ảnh lại rất quan tâm đến đôi dép của Bác. Họ cúi xuống sờ nắn quai dép, thi nhau bấm máy từ nhiều góc độ, ghi ghi chép chép... làm anh em cảnh vệ lại phải một phen xem chừng và bảo vệ "đôi hài thần kỳ" ấy.

Năm 1960, Bác đến thăm một đơn vị Hải quân nhân dân Việt Nam. Vẫn đôi dép "thâm niên ấy" Bác đi thăm nơi ăn, chốn ở, trại chăn nuôi của đơn vị. Cán bộ và chiến sĩ rông rần kéo theo, ai cũng muốn chen chân, vượt lên để được gần Bác, Bác vui cười nắm tay chiến sĩ này, vỗ vai chiến sĩ khác. Bỗng Bác đứng lại:

- Thôi, các cháu đừng làm tụt quai dép của Bác rồi...



Nghe Bác nói, cả đám dừng lại cúi xuống yêr lạng nhìn đôi dép rồi lại ồn ào lên:

- Thưa Bác, cháu, để cháu sửa...

- Thưa Bác, cháu, cháu có "rút dép" đây...

Nhao nhác, âm ĩ như thế, nhưng đồng chí cảnh vệ chỉ đứng cười vì biết đôi dép của Bác đã phải đóng đinh rồi; có "rút" cũng vô ích...

Bác cười nói:

- Cũng phải để Bác đến chỗ gốc cây kia, có chỗ dựa mà đứng đã chứ!

Bác "lẹp xẹp" lết đôi dép đến gốc cây, một tay vịn vào cây, một chân co lên tháo dép ra, "thách thức":

- Đây! Cháu nào giỏi thì chữa hộ dép cho Bác...

Một anh nhanh tay giành lấy chiếc dép, giơ lên nhưng ngớ ra, lúng túng. Anh bên cạnh liếc thấy, "vượt vây" chạy biến...

Bác phải giục:

- Ô kìa, ngấm mài thế, nhanh lên cho Bác còn đi chứ. Anh chiến sĩ, lúc nãy chạy đi đã trở lại với chiếc búa con, mấy cái đinh:

- Tôi, để tôi sửa dép...

Mọi người dân ra. Phút chốc, chiếc dép đã được chữa xong.

Những chiến sĩ không được may mắn chữa dép phàn nản:

- Tại dép của Bác cũ quá, thưa Bác, Bác thay dép đi ạ...



Bác nhìn các chiến sĩ nói:

- Các cháu nói đúng... nhưng chỉ có đúng một phần... Đôi dép của Bác cũ nhưng nó chỉ mới tụt quai. Cháu đã chữa lại chắc chắn cho Bác thế này thì còn "tho" lắm! Mua đôi dép khác chẳng đáng là bao, nhưng khi chưa cần thiết cũng chưa nên... Ta phải tiết kiệm vì đất nước ta còn nghèo...

Đôi dép cá nhân đã vậy, còn "đôi dép" ô tô của Bác cũng thế!

Chiếc xe "Pa -biết -đa" sản xuất tại Liên Xô Bác vẫn đi, đã cũ, Văn phòng xin "đổi" xe khác, "đời mới" hơn, tốt hơn, nhưng Bác không chịu:

: Xe của Bác hỏng rồi à?

Anh em thưa rằng chưa hỏng, nhưng muốn thay xe để Bác đi nhanh hơn, êm hơn.

Bác nói:

- Ai thích nhanh, thích êm thì đổi...

Hôm sau đến giờ đi làm, không biết là xe hỏng thật hay "ai" xui mà Bác đứng đợi bên xe mà xe cứ "ì" ra. Bác cười bảo đồng chí lái xe:

- Máy móc có trục trặc, chú cứ bình tĩnh sửa. Sửa xong Bác cháu ta đi cũng kịp...

Vài phút sau, xe nổ máy...

Bác lại cười nói với đồng chí lái xe, cảnh vệ:

- Thế là xe vẫn còn tốt!



CÂY XANH BỐN MÙA

Bác Hồ rất thông cảm với sự vất vả của nhân dân. Tìm hiểu cụ thể đời sống của nhân dân, của những người lao động là một nếp làm việc quen thuộc của Bác. Một hôm, Bác gọi đồng chí phục vụ đến và nói:

- Có những đêm nằm nghỉ nghe thấy tiếng chổi tre quét đường phố rất khuya, Bác nghĩ rằng mùa đông, các cô chú công nhân quét đường vất vả lắm. Chú thử tìm cách điều tra cụ thể rồi nói lại cho Bác biết.

Vâng lời Bác, một đêm nọ, đồng chí phục vụ lững thững dạo theo hè phố từ lúc người công nhân bắt đầu làm việc cho đến lúc dừng tay. Một tối làm việc như vậy họ phải đi đoạn đường khá dài, làm việc thâm lặng và rất vất vả.

Câu chuyện công việc của người công nhân quét đường trong đêm đông được báo cáo lại với Bác rất tỉ mỉ.

Nghe đồng chí phục vụ nói, Bác suy nghĩ hồi lâu rồi bảo:

- Chú nhớ nhắc những cơ quan có trách nhiệm



phải có chế độ cấp phát quần áo lao động để bảo vệ sức khỏe cho các cô các chú ấy, nhắc nhở cán bộ phụ trách các cấp phải quan tâm đúng mức đến anh chị em làm nghề vất vả này.

Thời gian trôi qua...

Lần ấy, Bác có việc đi sang nước bạn. Nước bạn đang mùa đông lạnh giá, hầu hết cây cối đều trụi lá. Người bỗng phát hiện ra một loài cây vẫn xanh. Bác hỏi cán bộ địa phương, được biết đúng là loài cây có sức sống tốt, bốn mùa đều xanh tươi.

Người quyết định xin giống cây ấy mang về Việt Nam. Về nước, Bác trao giống cây đó cho người làm vườn và nói:

- Đây là loại cây mà mùa đông ít rụng lá. Chú trông thử xem. Nếu chịu được khí hậu nước ta và xanh tốt thì sau này đem trồng dọc các đường phố, mùa đông vừa có cây xanh, vừa đỡ vất vả, đỡ tốn công cho anh chị em công nhân quét đường.

Trong Phủ Chủ tịch, gần nhà sàn của Bác, hiện vẫn còn loại cây trên, không rõ tên khoa học của loài cây ấy là gì, anh chị em vẫn thường gọi là "Cây xanh bốn mùa".

Nhìn cây xanh bốn mùa ghi nhớ tấm lòng thương yêu nhân dân của Bác. Là Chủ tịch nước Người bận trăm công, nghìn việc lớn, thế nhưng những việc thường ngày xảy ra chung quanh Bác cũng không bỏ qua. Người quan tâm một cách cụ thể và thiết thực



đến điều kiện làm việc của những người công nhân. Việc làm của Bác luôn nhắc nhở chúng ta hãy biết quan tâm chia sẻ với những khó khăn vất vả của người khác, những người cán bộ lãnh đạo càng phải ghi nhớ điều này.

T.C.N và T.G

Trích từ sách: *Bao la nhân ái Hồ Chí Minh*

GIẢN DỊ VÀ TIẾT KIỆM

Bà Nguyễn Thị Liên, nguyên cán bộ Văn phòng Phủ Chủ tịch, kể lại rằng:

Khi làm việc ở văn phòng Bác, đôi khi bà còn đảm nhận việc khâu, vá quần áo, chăn, màn, áo gối cho Bác. Công việc này giúp bà có điều kiện được gần Bác và học tập được rất nhiều đặc biệt là học tập Bác đức tính giản dị, tiết kiệm. Áo Bác rách, có khi vá đi vá lại, Bác mới cho thay. Chiếc áo gối màu xanh hoà bình của Bác, được ông Cần (người phục vụ Bác) đưa bà vá đi vá lại. Cảm chiếc áo gối của Bác, bà rung rung nước mắt, bà nói với ông Cần thay áo gối khác cho Bác dùng nhưng Bác chưa đồng ý. Người vẫn dùng chiếc áo gối vá.

Những năm tháng giúp việc ở văn phòng Bác tôi có những kỷ niệm không bao giờ quên.

Bà còn kể rằng:

Ở Việt Bắc, có một buổi Bác đi công tác về muộn, về qua văn phòng, Bác nghỉ lại một lát vì mệt. Đồng chí Hoàng Hữu Kháng, bảo vệ của Bác nói với bà:

- Bác mệt không ăn được cơm. Cô nấu cho Bác bát cháo.



Bác đang nằm nghỉ nghe thấy thế liền nhồm dậy bảo bà:

- Cô nấu cháo cho Bác bằng cơm nguội ấy, vừa chónng chín, vừa tiết kiệm được gạo, khỏi bỏ phí cơm thừa.

Câu chuyện bà kể khiến chúng tôi xúc động và thương Bác quá chừng. Bác thật giản dị và tiết kiệm, chất chiu như người cha lo cho một gia đình lớn, như cảnh nhà đông con mà còn túng thiếu.

Chiếc áo gôi vá, bát cháo nấu bằng cơm nguội của vị Chủ tịch nước có tác động lớn đến suy nghĩ của mỗi con người. Nhất là hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đang mở cuộc vận động : "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", câu chuyện nhỏ trên đây chính là một nét đẹp về đạo đức Bác Hồ để chúng ta học tập.

NXB Thanh niên, Hà Nội, 1994

CÓ THỂ CHO NGƯỜI NGHÈO NHỮNG THỨ ẤY

Khoảng năm 1914, Bác Hồ - lúc bấy giờ gọi là Nguyễn Tất Thành - đã đến Luân Đôn - Thủ đô của nước Anh. Ở đây có thời gian Bác phải làm phụ bếp cho khách sạn Cáctơn⁽¹⁾

Ở khách sạn Cáctơn, hằng ngày có người phục vụ dưới bếp. Những người này, sau khi khách ăn xong, có nhiệm vụ phải thu dọn bát đĩa... và đổ tất cả thức ăn thừa vào một cái thùng to rồi sau đó đem đổ đi. Có khi những thức ăn thừa là một phần tư con gà, hay cả đĩa bánh mỳ và những miếng bít tết to tướng...

Đến lượt anh Thành làm phụ bếp, những thức ăn thừa của khách, anh đem để riêng và dọn lại cẩn thận sạch sẽ, sắp xếp gọn gàng rồi đưa cho nhà bếp.

Thấy vậy ông đầu bếp Étcôtphie hỏi lại anh:

- Tại sao anh không đem những thức ăn này đổ vào thùng như những người khác?

Anh Thành điềm tĩnh trả lời:

(1) Một khách sạn nổi tiếng ở Luân Đôn do ông Étcôtphie người Pháp làm đầu bếp.

- Không nên đem vứt những thứ này đi. Ông có thể cho người nghèo những thứ ấy.

Câu nói của anh Thành làm cho ông đầu bếp rất ngạc nhiên, vì ông thấy từ trước tới nay, chưa có ai ở khách sạn này nghĩ và nói như anh Thành.

Ông chủ bếp và mọi người nhìn anh biểu hiện một sự quý mến và khâm phục trước tấm lòng yêu thương của anh đối với những người nghèo.

Trích từ sách: *Vũ Kỳ - Thư ký Bác Hồ kể chuyện* -
NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005

NHỮNG ĐÊM GIAO THỪA BÁC ĐẾN VỚI NGƯỜI NGHÈO

Xuân Tân Ty, năm 1941, Bác mới được đặt chân trở về giữa lòng Tổ quốc thân yêu sau đúng 30 năm trời ra đi tìm đường cứu nước (1911-1941). Hành trang theo Bác trở về vẹn vẹn chỉ có một chiếc va ly xách tay bằng mây, trong đựng hai bộ quần áo đã cũ và tập tài liệu *Con đường giải phóng* tập hợp những bài giảng trong lớp huấn luyện ở Nậm Quang (Quảng Tây, Trung Quốc) do Bác phụ trách vừa mới kết thúc trước Tết mấy hôm.

Mùa Xuân năm ấy, từ hang Pác Bó đã ra đời một bài thơ xuân tuyệt đẹp của Bác Hồ:

*"Non xa xa, nước xa xa
Nào phải thênh thang mới gọi là
Đây suối Lênin, kia núi Mác
Hai tay xây dựng một sơn hà"⁽¹⁾*

Chỉ hơn bốn năm sau, ngày 2-9-1945, sơn hà của Tổ quốc đã được thu về một mối, từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau. Hồ Chí Minh trở thành vị Chủ tịch đầu

(1) Hồ Chí Minh: Sdd, t. 3, tr. 195

tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Và mùa Xuân độc lập đầu tiên, Xuân Bính Tuất năm 1946 đã trở về trên toàn cõi đất nước với một sắc màu khác lạ làm gợi nhớ đến một thời Nghiêu Thuấn xa xưa. Vào thời khắc mọi gia đình quây quần bên nhau chuẩn bị đón giao thừa thì vị Chủ tịch nước xắn quần, bước thấp bước cao đến các ngõ hẻm ở phố Sinh Từ, phố Hàng Lọng... để được chính mắt nhìn thấy cảnh Tết vừa, Tết nghèo của bà con lao động Hà Nội mới vừa thoát khỏi ách thực dân phong kiến.

Chính trong cuộc "vi hành" đêm ba mươi Tết của mùa Xuân độc lập đầu tiên đó, Bác Hồ đã chứng kiến cảnh gia đình một người đạp xích lô "Tết mà không có Tết" ngoài một nén hương đang cháy dở trên bàn, còn chủ nhà thì đang đắp chiếu nằm mê mệt vì ốm. Bác đã xúc động lấy khăn lau nước mắt, lặng lẽ bước ra khỏi nhà, bảo đồng chí thư ký ghi lại địa chỉ để hôm sau báo cáo cho đồng chí Chủ tịch Hà Nội biết.

Cũng đêm ba mươi Tết Bính Tuất đó, đúng giờ giao thừa, khi Đài Tiếng nói Việt Nam truyền khi khắp đất nước lời chúc mừng năm mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thì chính Người lại đang vui Xuân cùng nhân dân ở đền Ngọc Sơn, trong vai một cụ già cùng cháu đi hái lộc.

Lần đầu tiên nhân dân Hà Nội, nhân dân cả

nước, được hưởng một mùa Xuân mới mẻ, giao thừa nghe đọc thư chúc Tết của Bác Hồ:

"Hỡi đồng bào cả nước!

Hôm nay là mừng một Tết năm Bính Tuất, ngày Tết đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tôi thay mặt Chính phủ chúc đồng bào năm mới muôn sự tốt lành"⁽¹⁾.

Cuối thư là một bài thơ ngắn:

*"Trong năm Bính Tuất mới
Muôn việc đều tiến tới
Kiến quốc chóng thành công
Kháng chiến mau thắng lợi"⁽²⁾.*

Kể từ mùa Xuân đầu tiên đó, suốt 24 năm làm Chủ tịch nước, mỗi lần Tết đến, Xuân về, Bác lại nghĩ đến dân, lo sao cho dân có một mùa xuân ấm no, hạnh phúc. Thường thì trước Tết ba tháng, Bác đã nhắc các cơ quan, các ngành chuẩn bị Tết cho dân. Riêng Bác cũng tự mình chuẩn bị sớm ba việc. Tìm ý thơ cho bài thơ mừng năm mới, nhắc văn phòng chuẩn bị thiệp "Chúc Mừng Năm Mới" để kịp gửi đến những nơi xa xôi nhất, kể cả bộ đội ở các vùng rừng núi, hải đảo xa xôi và cán bộ công tác ở nước ngoài.

Và cuối cùng là một chương trình đi thăm dân

(1) Hồ Chí Minh: Sđd, T.4, tr. 169.

(2) Hồ Chí Minh: Sđd, T.3, tr. 169.

không thể thiếu đối với Bác, một chương trình riêng mà chỉ Bác và các đồng chí cảnh vệ biết.

Tối ba mươi Tết năm 1960, Bác đến thăm gia đình mẹ con chị Tín, một lao động nghèo ở phố Hàng Chĩnh, Hà Nội. Chiều mừng hai Tết năm 1961, Bác đến Văn Miếu dự buổi bình thơ Xuân của các cụ. Mừng hai Tết năm 1962, Bác đến thăm các cháu học sinh miền Nam ở Hải Phòng. Chiều 29 Tết năm 1963, Bác cải trang thành một cụ già theo cháu đi chợ hoa và chợ Đồng Xuân... Tất cả đều bí mật bất ngờ và do đó bao giờ cũng tạo hiệu quả lớn.

Như Tết năm 1960, nếu Bác chỉ đến thăm các gia đình theo chương trình của các cơ quan đã bố trí thì làm sao Chủ tịch nước biết được gần đến giao thừa rồi mà chị Tín vẫn còn phải đi gánh nước thuê đổi gạo để sáng mai mừng một Tết có cơm ăn cho bốn đứa con của mình. Gặp Bác, chị Tín xúc động để rơi cả đôi thùng gánh nước xuống đất, run run cầm lấy bàn tay của Bác:

- Cháu không ngờ lại được Bác đến thăm...

Chỉ nói được vậy, chị đã òa lên khóc nức nở.

Vị Chủ tịch nước đã an ủi chị:

- Bác không đến thăm những gia đình như cô thì thăm ai...

Và Bác đã vào nhà thăm hỏi khá lâu năm mẹ con chị Tín. Gọi là nhà nhưng đâu có phải là nhà mà là một cái chái như một túp lều. Chồng chị Tín là công



nhân khuôn vác ở bến Phà Đen đã mất cách đó bốn năm, còn chị thì cho đến lúc này vẫn chưa có việc làm ổn định. Cảnh nghèo của gia đình đã phũ phàng hiện ra trước mắt Bác. Trên chiếc bàn gỗ mục chỉ có một nải chuối xanh và một gói kẹo. Đúng là "Ba mươi Tết mà không có Tết". Cách đây 15 năm, Tết độc lập đầu tiên, Bác đã đau lòng chứng kiến cảnh một gia đình "Tết mà không có Tết" ở ngõ hẻm Sinh Từ. Đó là khi đất nước mới thoát khỏi vòng nô lệ. Còn bây giờ, kháng chiến đã thắng lợi, hoà bình đã sáu năm, mà lại còn cái cảnh này sao? Không phải ở đâu xa mà ở ngay Thủ đô Hà Nội... Vậy còn bao nhiêu gia đình như thế này ở khắp mọi miền đất nước? Cứ ngồi nghe báo cáo thì đâu cũng là no ấm, tươi vui...

Đêm ấy, trên đường về, ngồi trên xe, Bác Hồ trầm ngâm suy nghĩ. Vẻ dăm chiêu thoáng hiện trên gương mặt của Người. Bác đã từng tâm sự với các đồng chí phục vụ: "Một ngày dân chưa đủ ăn, áo chưa đủ mặc, các cháu chưa được học hành, mọi người còn khổ thì Bác ăn không ngon, ngủ không yên".

Về đến nhà, các đồng chí Bộ Chính trị đang chờ Bác để chúc mừng năm mới. Mọi người băn khoăn khi thấy Bác không vui. Bác kể lại hoàn cảnh gia đình chị Tín cho mọi người nghe. Cuối câu chuyện Bác nói: "Ta có chính quyền trong tay, nhưng chính quyền đó chưa thực sự là do dân, vì dân. Một số lãnh đạo các địa phương còn quan liêu và nặng về hình



thức. Họ không chịu đi sâu, đi sát quần chúng, nên phục vụ quần chúng chưa tốt. Nếu chúng ta chỉ nghe báo cáo của họ thì sẽ không bao giờ nắm được chính xác tình hình để có chủ trương, nghị quyết đúng đắn. Đảng quan liêu, chính quyền quan liêu, thực sự là một nguy cơ đối với đất nước chúng ta”.

Trích từ sách: *Vũ Kỳ - Thư ký Bác Hồ kể chuyện*
NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005

NGHĨA NẶNG TÌNH SÂU

Năm 1957, Bác Hồ trở về thăm quê hương. Từ xa trên con đường đất đỏ, mọi người nhìn thấy xe Bác đến vừa vỗ tay hoan hô vừa reo hò rộn rã.

Xe đến, Bác xuống xe vẫy chào bà con đến đón. Các cháu thiếu nhi ùa ra vây quanh Bác.

Các đồng chí lãnh đạo địa phương định đưa Bác vào nhà khách trước, nhưng Bác đã ngăn lại và nói:

- Tôi xa nhà, xa quê đã lâu, nay mới có dịp về, tôi phải về nhà tôi trước.

Nói rồi Bác đi thẳng về ngôi nhà quê nội. Bác dừng lại trước ngõ mới làm, đưa mắt nhìn bao quát khu vườn quen thuộc một lượt, rồi Bác đi men theo hàng rào râm bụt. Bác bảo:

- Trước đây đường vào nhà tôi đi theo ngõ này.

Vào đến sân, Bác nhìn ngôi nhà tranh quen thuộc của gia đình đã được đồng bào địa phương dựng lại trên nền đất cũ và nói:

- Tôi nhớ chỗ này còn có hàng cây, nay đâu rồi các chú?

Sau đó, Bác đi ra cửa sau chỉ vào chỗ hàng rào nói:



- Nhà tôi trước có cây ôi ngọt ở đây quả sai lắm.

Khi ra ngõ gặp một cụ già, Bác nhìn cụ già rất cảm động và hỏi:

- Có phải ông Điền không?

Bác đi nhanh tới cụ già rồi nắm lấy tay cụ hỏi bằng một giọng ấm áp;

- Anh Điền, anh vẫn khỏe chứ?

Bác nói chuyện với cụ Điền một hồi lâu, rồi sau đó đi sang quê ngoại.

Đứng giữa ngôi nhà tranh đơn sơ, nơi Bác đã sinh ra và lớn lên, Bác thân mật trò chuyện cùng bà con quê nhà.

- Tôi xa quê hương đã năm mươi năm rồi. Thường tình người ta xa nhà, lúc trở về thì mừng mừng, tủi tủi. Nhưng tôi không buồn, không tủi. Tôi rất vui. Vui vì khi tôi ra đi nhân dân còn là nô lệ, bọn đế quốc phong kiến đè đầu cưỡi cổ. Bây giờ tôi về thì đất nước đã được giải phóng, nhân dân đã được tự do. Nói rồi Bác đọc hai câu thơ:

Quê hương nghĩa nặng tình sâu

Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình.

Trích từ sách: *Vũ Kỳ - Thư ký Bác Hồ kể chuyện.*

NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005



NHỮNG BÔNG HOA TRONG VƯỜN BÁC

Sau ngày 12 tháng 8 năm 1969, bệnh tình của Bác mỗi ngày một nặng thêm. Căn bệnh hiểm nghèo đã làm Bác phải trải qua những cơn đau dữ dội. Mỗi khi tỉnh lại, Bác lại hỏi han căn kẽ tình hình mọi mặt của đất nước. Người không quên từ việc lớn tới việc nhỏ. Những ngày cuối tháng 8, bệnh tình của Bác càng trầm trọng thêm. Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định điều động một số cán bộ, nhân viên y tế giỏi của các bệnh viện lớn cùng với những thiết bị hiện đại đến cứu chữa cho Bác. Trong số đó có một số là nữ y tá. Một lần, vừa qua cơn đau, tỉnh lại, Bác thấy có mấy nữ y tá ở cạnh, Bác hỏi một đồng chí phục vụ:

- Những ai thế chú?

- Thưa Bác, đó là các đồng chí nữ y tá của bệnh viện Quân y 108 được điều động đến phục vụ Bác.

Nghe xong, Bác không nói gì. Một lúc sau Bác nói chậm rãi:

- Các cháu còn trẻ, đang tuổi ăn, tuổi ngủ, Bác biết các cháu rất thương Bác, nhưng không



nên để các cháu ở đây, vì các cháu gái thường dễ xúc động.

Thoáng nhìn thấy những bông hoa hồng cắm trong lọ hoa bên cạnh, Bác hỏi đồng chí phục vụ:

- Hoa trong vườn phải không chú? Còn nhiều không? Nếu còn chú hái vào tặng cho các cháu gái.

Đồng chí phục vụ ra vườn hái hoa. Khi đồng chí phục vụ cắm hoa vào, Bác liền bảo:

- Bác đang mệt, chú thay mặt Bác tặng mỗi cháu gái một bông hồng.

Tất cả các cô gái y tá trẻ hôm đó mỗi người được tặng một bông hoa hồng trong vườn Bác. Không trừ một ai, tất cả đều cảm động và sung sướng đến chảy nước mắt.

Đến phút chót của cuộc đời Bác vẫn không lo gì cho riêng mình, chỉ lo lắng khi mực nước sông Hồng dâng lên, lo cho dân được xem bắn pháo hoa ngày Độc lập, nghĩ đến miền Nam, theo dõi những chiến công mới nhất và mong sao cho các cháu gái ngày ngày vẫn có hoa.

Trích từ sách: *Vũ Kỳ - Thư ký Bác Hồ kể chuyện.*

NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005



BÁC ĐI THĂM RỪNG CÚC PHƯƠNG

Câu chuyện nhỏ sau đây do đồng chí Việt Phương, nguyên thư ký của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, người sống cùng với Bác trong Khu di tích Phủ Chủ tịch kể lại.

Tháng 2-1969, Bác muốn đi thăm rừng quốc gia Cúc Phương. Một số đồng chí lãnh đạo giới thiệu ở đó có nhiều cái hay. Anh em mới xin: Thôi, chuyện này đi thăm rừng Cúc Phương, Bác đi máy bay lên thẳng cho đỡ mệt. Bác không đồng ý, Người nói: "Các chú cho hề là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước thì đi đâu muốn dùng phương tiện gì thì dùng à? Không phải thế đâu. Để Bác khoẻ lên, Bác đi ô tô đến thăm rừng Cúc Phương. Máy bay lên thẳng, để khi nào có người của chúng ta bị tai nạn hoặc bị đau nặng ở vùng hẻo lánh khó chạy chữa thì dùng máy bay lên thẳng đón về nơi trung tâm có bệnh viện lớn. Hoặc lúc nào nước sông lên to, mùa bão cần đi hộ đê thì lấy máy bay lên thẳng mà dùng. Chứ không phải bất kỳ đi đâu, Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước cứ dùng máy bay lên thẳng mà đi". Bác nhất định không dùng, và vì thế nên có một nguyện vọng của Bác là đi thăm rừng Cúc Phương, cuối cùng Bác không thực hiện được.



Là Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng, Bác không dành cho mình một đặc ân nào cả. Bác chỉ nghĩ đến công việc chung, nghĩ cho nhiều người. Câu chuyện nhỏ về việc dùng các phương tiện đi lại của Bác cũng nhắc nhở cán bộ, nhân dân về những việc cần tránh, trong đó có việc dùng xe công như thế nào. Còn nhớ ngay từ lúc nước nhà vừa độc lập, ngày 17 tháng 10 năm 1945, Bác đã có thư gửi uỷ ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, sớm cảnh báo những việc có thể xảy ra cần tránh, đó là: "Ăn muốn cho ngon, mặc muốn cho đẹp, càng ngày càng xa xỉ... Thậm chí lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức. Ông uỷ viên đi xe hơi, rồi bà uỷ viên, cho đến các cô các cậu uỷ viên cũng dùng xe hơi của công".

Điều Bác nhắc nhở từ hơn nửa thế kỷ trước, ngày nay vẫn còn tiếp diễn. Nhân dân phản đối. Ông kính của các nhà báo đã ghi lại biết bao nhiêu biển số xe công, trong giờ làm việc lại ở chợ biên giới, hội hè, chùa chiền...

Học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ, hãy bắt đầu từ những việc cụ thể nhất, và cán bộ phải là người gương mẫu thực hành trước.



VÀNG LÀ Ở HAI BÀN TAY

Bác Hồ vào Phan Thiết dạy học ở trường Dục Thanh của Hội Liên Thành. Bác sĩ Nguyễn Kinh Chi ở Bộ Y tế là học trò của thầy Thành kể lại:

- Thầy giáo Thành dạy lớp ba, thầy thường mặc áo vải, chân đi guốc. Trong giờ địa lý, thầy giáo Thành dạy tiếng Pháp, tôi còn nhớ mãi buổi học đầu tiên của thầy Thành: "Montagne" là núi, "rivère" là sông.

Núi kia là núi của ai

Sông xanh nước biếc chảy dài đi đâu?

Thầy giáo Thành bảo núi thì có rừng. Trên rừng rất nhiều gỗ quý như lim, trai, sến, táu, vàng tâm, v.v... Có nhiều cây thuốc quý, có nhiều muông thú như hổ, báo, hươu, nai, voi... Trong núi có nhiều khoáng sản như vàng, bạc, châu báu, dưới sông có nhiều cá ngon, nước sông có nhiều phù sa, nên nguồn nước ấy lại tưới cho đồng ruộng thì màu mỡ tươi tắn. Tổ tiên ta kiên cường, giang sơn ta gấm vóc; thầy giáo Thành dạy chúng tôi như vậy!

Ông Chi học đọc xong rồi đi du lịch. Ông thắc mắc tại sao thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy rừng núi, sông ngòi, đất đai là của ta. Thế mà bây giờ Tây nó lại



lấy. Đời sống của người lao động thì khổ cực, nghèo đói. Ngày ngày làm nghề thuốc tiếp xúc với người bệnh, bao nhiêu câu hỏi đã gieo vào đầu óc ông: tại sao người đàn bà làm ăn vất vả, sớm tối ngày đêm sương gió, thế mà chỉ có một cái yếm bằng vải và chiếc khố tải che thân? Người đàn ông cũng chỉ có cái quần đùi? Các em bé tám chín tuổi vẫn trần truồng chưa có áo quần mặc? Ông Chi suy nghĩ và càng thấm thía những lời giảng của thầy giáo Thành gieo vào lòng tuổi trẻ nhiều ý nghĩa. Ông và các bạn ở trường Dục Thanh cũ dần dần ghét Tây. Từ đó ông bắt đầu đi tìm cách mạng và ông cũng như nhiều bạn bè khác trở nên người Cộng sản.

Rời Phan Thiết, Bác Hồ đi vào Sài Gòn học nghề. Ngày ngày, lúc học xong, Bác thường xuống xem cảng Sài Gòn. Bác đi để biết tình hình. Ở cảng này, Bác Hồ làm quen với ông Mai, được ông giới thiệu xuống làm ở chiếc tàu của hãng "Vận tải hợp nhất" của Pháp. Tàu Đô đốc Latútso Trêvin chuyên chở thực phẩm cho Pháp ở thuộc địa. Ông Mai người ở An Dương (Hải Phòng), gặp Bác lần đầu đã thấy mến. Bác Hồ ngỏ ý muốn xin làm ở dưới tàu. Ông Mai vui vẻ nhận lời giới thiệu giúp Bác. Ông đưa Bác đến gặp thuyền trưởng người Pháp. Người thuyền trưởng nói:

- Nếu cần làm việc ở đây, tám giờ sáng mai đến.

Tối hôm ấy về chỗ ở, Bác rủ thêm một người bạn cùng đi Pháp. Người bạn thân đó nói:

- Ta đi Pháp sẽ chết đói thôi, bởi vì chúng ta không có tiền để ăn.



Bác đã giơ tay ra và nói:

- Tiền là ở đây, vàng là ở đây. Chúng ta còn trai trẻ. Chúng ta sẽ làm lụng để sống.

Sáng hôm sau, người bạn ấy ngần ngại từ chối, không đi. Bác chia tay anh ta. Ông Mai đưa Bác xuống tàu gặp người thuyền trưởng. Nhìn Bác một lát, người thuyền trưởng Pháp nói:

- Ở đây không có việc gì nhẹ cho anh làm cả, chỉ có những việc nặng thôi, trông anh gầy yếu thế kia, làm sao nổi?!

Bác trả lời:

- Vâng, tôi gầy yếu thật, nhưng tôi còn trai trẻ, tôi có nghị lực, tôi có thể làm được tất cả!

Người thuyền trưởng thấy Bác nhanh nhẹn, giỏi tiếng Pháp nên cho làm phụ bếp. Bác nhận lời làm việc ở đây và lấy tên là Văn Ba.

Qua những ngày làm việc đầu tắt mặt tối ở dưới tàu, Bác nhận thấy ở đây có hai hạng người: người bị bóc lột và người đi bóc lột. Hai thái cực đó thật là rõ ràng. Công việc mà Bác phải làm hàng ngày thật là cực nhọc: hết bung những sọt khoai tây lên mặt bàn để gọt rửa, lại bê những thùng rượu để phục vụ các bữa ăn, rồi rửa bát, nồi, soong, giặt giũ, lau bàn ghế, đánh bóng boong tàu. Suốt ngày Bác nhể nhại mồ hôi và mình đầy than bụi. Công việc vất vả thật nhưng khi được nghỉ tay là Bác tranh thủ dạy ông Mai chữ quốc ngữ.



Trong phong trào Đông Du do cụ Phan đề xướng, cụ chủ trương "Gương Nhật Bản, đất Á Đông". Cụ mong nhờ vào bọn Nhật cô lập giặc Pháp thì thật khác nào "đưa hổ cửa trước, rước hùm cửa sau". Cụ Phan Chu Trinh lúc này đã bị bắt và theo quan niệm của cụ thì "Học Pháp càng nhiều; làm bồi càng to".

Vậy tại sao Bác Hồ lại đi Pháp? Vừa rồi chúng ta tìm được cuốn lược dịch "Bình thư Tôn Tử" của Bác, Bác nói là lược dịch, nhưng khi đọc chúng ta nhận thấy là chiến lược của Bác. Qua sự giáo dục của gia đình và cuốn lược dịch "Bình thư Tôn Tử", qua trao đổi với một số cụ đương thời có học với Bác và ngay cụ thân sinh ra Bác vẫn thường dạy học trò là "biết địch biết ta, trăm trận trăm thắng", chúng ta càng thấy rõ việc Bác đi Pháp là Bác có suy nghĩ chín chắn. Với lại hồi ấy, những từ Pháp "Tự do, bình đẳng, bác ái rất hay, Bác muốn biết đằng sau những từ ấy ẩn giấu cái gì..."

Bác lĩnh được mười quan, dần dà sau này được năm mươi quan (trong khi đó mỗi nhân viên người Việt Nam ít nhất cũng phải lĩnh đến một trăm quan). Lên đất Pháp, vì tiền ít Bác thường phải thuê chỗ ngủ đứng. Ở nước Pháp lúc này có hai loại tiệm ngủ. Một loại ngủ có giường đệm, màn và lò sưởi. Một loại là lấy vé vào ngủ đứng. Ở Pháp ít lâu, Bác đi châu Phi, rồi Bác lại trở về Pháp. Lúc rời châu Phi, Bác có nói:

- Người ta nói ở châu Phi có nhiều ác thú, nhưng ác thú ở đây mà ác hơn cả, chính lại là lũ thực dân.

Sau này, các đồng chí cộng sản quốc tế sang dự lễ tang Bác có cho biết:

Bác đi châu Phi trên một chiếc tàu buôn. Chiếc tàu buôn này rời cảng Lơ Havorơ đổ tại Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi và các cửa biển phía đông châu Phi cho đến Công gô. Mỗi khi tàu cập bến, Bác tìm cách lên thăm thành phố, khi chiếc tàu này trở về Pháp sửa chữa, người thuyền trưởng thấy anh Ba làm được việc, bèn giới thiệu đi làm bồi ở một chiếc tàu chở sĩ quan Pháp đi Anh nghỉ mát. Đến nước Anh, Bác không đi làm bồi tàu nữa. Lên thủ đô nước Anh, Bác tìm đến một trường trung học. Bác rất thích cuộc đời học sinh. Bác ngồi xem các em học và Bác làm quen được với một người gác cổng. Bác xin làm việc quét tuyết ở trường học này. Làm được một tuần lễ, vì lao động cực nhọc quá, trời lại rét buốt nên Bác bị cảm lạnh và sung phổi phải thôi việc.

Khi khỏi bệnh Bác xin làm ở tiệm ăn Cáclotông, một khách sạn lớn nhất nước Anh lúc bấy giờ. Khách sạn có một người Pháp tên là ÉcÔpphie làm bếp nổi tiếng, được người ta đặt tên là "Vua bếp". Những tiệc lớn của nữ hoàng Anh đều do ông ta đứng ra đảm nhận.

Một hôm anh Ba đang rửa bát. Vua bếp đi qua hỏi:

- Arh Ba, anh đổ các thứ thừa đi, chứ anh để lại làm gì?



- Ở đây thừa đồ đi - anh Ba trả lời - nhưng ngoài kia những người đói lại đang cần, tôi để lại lát nữa cho người ta.

Vua bếp ra chiều cảm động thấy một thanh niên châu Á lòng nhân hậu như vậy nên rất có cảm tình. Nhân đấy Bác lại nói:

- Xin ông cho tôi làm công việc gì có nhiều tiền để tôi chi trả tiền học tiếng Anh. Tôi học năm bài đã mất năm đồng, trong khi đó tôi chỉ được trả có sáu đồng, còn lại không đủ ăn trong một tuần lễ.

Vua bếp cười bảo:

- Tôi là người Pháp mà không học được tiếng Anh, còn anh là người châu Á mà dám học tiếng Anh cơ à? Tôi ở đây hai năm rồi mà chỉ biết có vài ba tiếng "vâng" và "không".

Nói vậy, nhưng ông vẫn giúp Bác, Bác được bố trí đốt lò.

Thế là từ năm giờ sáng đến tám giờ tối Bác phải nặng nhọc dưới hầm lò. Tuy tiền công có được nhiều hơn, nhưng không được học hành, vì đêm về mệt lả làm sao đi học được nữa.

Do đó Bác tìm gặp Vua bếp yêu cầu cho Bác làm một nghề khác. Vua bếp xếp cho Bác làm bánh ga tô, đỡ nặng nhọc hơn và có thêm tiền để học. Thời kỳ này Bác tranh thủ học nhiều ngoại ngữ: Năm một ngàn chín trăm mười ba, một ngàn chín trăm mười bốn ở Anh, Bác học tiếng Anh do một giáo sư người Ý dạy.



Thầy giáo này biết tiếng Đức, cho nên Bác học cả tiếng Đức và Ý của giáo sư này. Hàng ngày, Bác ra ngồi ở vườn hoa Hayđơ để học. Lúc này, Bác có quan hệ với các nhà yêu nước ở Ấn Độ như Găngđi. Nhà sử học Thụy Điển, trong một cuốn sử viết về Bác, cho biết: năm một ngàn chín trăm mười lăm Bác ở khu vực người da đen Háclem (nước Mỹ) và làm nghề chụp ảnh. Năm 1916 sang Đức. Trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Bác trở lại Pháp và ở nhà cụ Phan Chu Trinh. Ở Pháp, Bác tham gia phong trào của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp. Bác tổ chức nhóm Việt kiều. Bác đã gặp Sáclôngghê (Charles Longuet), chủ bút tờ báo *Dân chúng* là cháu ngoại của Các Mác. Ông này đã giúp đỡ Bác viết báo. Lúc đầu Bác viết năm dòng rồi sửa hết, rồi lại viết. Bài báo đầu tiên của Bác là bài báo năm dòng đăng ở tờ *Đời sống thợ thuyền*, năm 1917. Sau đó Bác viết cho nhiều tờ báo ở Pháp như tờ *Nhân đạo* và *Dân chúng*... Hồi đó Bác ở nhà số 9 ngõ hẻm Công poăng (compoint). Đạo diễn Phạm Kỳ Nam đi Pari làm phim về Bác cung cấp thêm nhiều tư liệu: Nhà số 9 Công poăng tầng dưới là quán cà phê, tầng trên, Bác thuê ở, Bác làm nghề rửa ảnh. Nhà Bác kê vừa một cái giường, hai cái ghế một cái bàn con. Trên bàn có cái chậu thau, trong thau có một xô nước. Khi viết, Bác phải đặt thau và xô xuống gầm giường. Hàng ngày, Bác nấu một nồi cơm (gọi là nồi nhưng thật ra nó là cái hộp bích quy vuông thấp). Khi thổi cơm, Bác hấp



vào đó một con cá khô, Bác ăn một nửa, còn một nửa lấy giấy báo gói mang đi, làm việc xong, Bác mang ra ăn nốt suất cơm còn lại. Bác làm việc rất khẩn trương để có đủ tiền sống, để có nhiều thời gian vào thư viện đọc sách. Bác còn tranh thủ đi nghe người ta giảng thuyết để học tập. Khi cách mạng tháng Mười Nga thành công, Bác rất vui mừng, phấn khởi. Bác vào Đảng xã hội Pháp. Tháng ba năm một ngàn chín trăm mười chín, Quốc tế thứ ba (tức quốc tế Cộng sản) thành lập, Lênin có đọc bản luận cương về cách mạng thuộc địa. Khi tiếp thu bản luận cương ấy. Bác đã nói:

- Luận cương của Lênin đã làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi sáng tỏ, tin tưởng biết bao. Tôi vui mừng phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng, mà tôi nói to như đang nói trước quần chúng đông đảo. Hỡi đồng bào bị đọa đày, đây là cái cần thiết cho chúng ta!

Bác tiếp thu điều này rất sâu sắc. Báo *Gramma* Cuba đã viết: "Nhân loại tiên bộ trên thế giới đời đời mắc nợ nhân dân Việt Nam".

Dư luận nhiều nước trên thế giới nêu rõ: Các Mác đề ra chủ nghĩa xã hội khoa học, Lênin là người tổ chức thực hiện. Lênin là người đề ra cách mạng ở các nước thuộc địa, Hồ Chí Minh là người tổ chức thực hiện và rút ra những kinh nghiệm quý báu.



BÁC HỒ ĐẾN VỚI CÁC CHÁU MỒ CÔI Ở TRẠI KIM ĐỒNG

Một sáng đẹp trời, Bác Hồ đã đến với các cháu ở trại Kim Đồng. Ngay từ phút đặt chân đến cổng trại, nhìn bờ rào dăng dây thép gai, trong mắt Bác hiện lên sự nhức nhối. Nói với các cán bộ phụ trách, giọng Bác nhẹ nhàng, nhưng vô cùng thấm thía:

- Đây là nơi nuôi dạy các cháu mồ côi, được mang tên liệt sĩ Kim Đồng, sao các cô, các chú lại rào dây thép gai như một nhà tù thế này?

Chú Thuận thưa:

- Dạ, thưa Bác, cơ ngơi của thời đại cũ để lại đấy ạ!

Bác lắc đầu:

- Các cô, các chú phải tháo gỡ đám dây thép gai ngay. Chế độ cũ nhóm các cháu vào đây, chúng ta tiếp tục nuôi dạy vì tương lai của các cháu.

Bác đi vào từng căn phòng ở, phòng ăn, phòng học, nơi các cháu vui chơi. Bác khen: "Được cái gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ, nhưng còn - Bác hỏi các bộ phụ trách trại - còn thế nào, các cô, các chú biết không?".

Mọi người nhìn Bác, vừa xúc động vừa lúng túng.
Rồi chú Thuận mạnh dạn đáp:

- Thưa Bác, các cháu ở trại còn chật chội ạ.

Bác Hồ mỉm cười:

- Chú nói mới đúng một phần nhỏ thôi. Đối với các cháu mồ côi, điều lớn nhất là phải bù đắp tình thương. Các cháu đã không còn bố mẹ, thì các cô, các chú ở đây là bố, là mẹ của các cháu. Các cô, các chú nuôi dạy các cháu thì phải đem cả tấm lòng làm mẹ, làm cha mà cư xử, mà săn sóc, mà dạy bảo. Bác thấy ở đây, đối với các cháu, còn cái về "trại lính", thiếu cái ấm cúng của gia đình. Dạy cho các cháu vào khuôn phép, sống có kỷ luật, trật tự là đúng. Nhưng không được để các cháu mất cái hồn nhiên, mất cái vui tươi, thoải mái. Đừng biến các cháu thành các "ông cụ non". Các cô, các chú phải làm sao cho các cháu thấy trại Kim Đồng là gia đình của các cháu, đi xa các cháu nhớ, lúc ở nhà các cháu vui. Được như vậy thì cần gì phải rào dây thép gai, phải canh phòng nghiêm ngặt với các cháu.

Bác lại hỏi:

- Những cháu kém có nhiều không?

- Thưa Bác, còn nhiều lắm ạ.

- Nhiều là bao nhiêu?

Đồng chí phụ trách hơi bối rối. Bác nói ngay:

- Quản lý các cháu thì cần biết cụ thể từng cháu



một, biết chắc chắn cái dở, cái hay của mỗi đứa. Có như vậy thì dạy mới có kết quả tốt.

Bác bảo chú Thuận đứng lên:

- Cho Bác gặp cháu nào kém nhất trại.

Em Quốc đứng khoanh tay trước mặt Bác, Bác cúi xuống vuốt ve nhẹ nhẹ tóc em. Bác hỏi:

- Tên cháu là gì?

- Thưa Bác, tên cháu là Quốc lủi ạ!

Bác nhìn em, ái ngại:

- Ai đặt cho cháu cái tên ấy?

- Dạ thưa, các bạn gọi cháu thế ạ.

- Vì sao các bạn gọi cháu là Quốc lủi?

- Thưa Bác... Cháu... Cháu hay trốn trại. Cháu chui qua hàng rào, lủi vào các ngõ phố ạ.

- Sao cháu không chịu ở trong trại mà lại trốn ra bên ngoài?

- Thưa Bác... ở trong trại khổ cực lắm ạ.

- Khổ cực như thế nào?

- Dạ chúng cháu bị gò bó đủ thứ ạ.

- Cháu nói rõ sự gò bó cho Bác nghe nào?

- Thưa Bác...

Quốc nhìn Bác Hồ mà nước mắt trào ra, nghẹn ngào không nói lên lời. Bác xoa đầu em, Bác đã hiểu thấu tất cả, dù em chưa nói ra được những điều muốn thưa với Bác. Bác khuyên Quốc: "Từ nay cháu phải



phần đầu bỏ cái tên "lũ", giữ lại cái tên Quốc...". Nước mắt càng giàn giụa trên hai má Quốc.

Bác Hồ cầm tay em Quốc đi ra chỗ cả trại đang tập hợp đón đợi Bác. Bác thân mật kể cho các em nghe một số gương tốt của thiếu nhi trong kháng chiến chống Pháp, gương tốt của thiếu nhi ở Liên Xô và các nước bạn. Các em đã không cầm được nước mắt khi nghe Bác kể về thời niên thiếu của Bác, Bác đã từng thềm một cái đồ chơi, ước ao một bộ quần áo mới để mặc Tết. Bác cũng đã mồ côi mẹ từ năm lên chín, lên mười. Bác đã phải bế em treò treò bên hông đi xin sữa cho em sau ngày mẹ qua đời.

Bác căn dặn các em như ông dặn cháu:

- Các cháu phải vâng lời các cô, các chú phụ trách. Thiếu nhi thì phải ngoan, phải thật thà, lễ phép với người lớn, kính trọng người già, giúp đỡ người tàn tật yếu đau. Các cháu ở trong tập thể với nhau càng phải thương yêu nhau như anh chị em ruột thịt. Và phải dũng cảm sửa chữa những khuyết điểm, những thói hư tật xấu để lớn lên làm người chủ của đất nước, đừng để mình là cái gánh nặng của xã hội...

Rồi Bác bảo:

- Các cháu có hứa làm được điều Bác căn dặn không nào?

Một tiếng "có" vang lên, đều khắp và sôi nổi. Bác còn dặn thêm các em là noi gương dũng cảm của liệt



sĩ Kim Đồng trong học tập và rèn luyện, em nào đạt kết quả tốt, được ban phụ trách báo lên Bác, Bác sẽ gửi phần thưởng. Và Bác thân mật hẹn: "Nếu cả trại cùng tiến bộ vượt bậc, Bác sẽ còn về thăm các cháu nhiều lần nữa".

Ngày hôm ấy, Bác đã để lại rất nhiều quà để chia cho các em. Nhận phần quà của Bác cho, nhiều em đã không ăn, cất làm kỷ niệm.

Từ hôm đó trong từng đôi mắt của các em, ngời lên niềm vui nhận quà Bác. Em Quốc không lủi ra ngoài trại nữa mà giữ gìn mình như giữ gìn kỷ niệm của Bác trong trái tim.

Theo sách *Hoa rừng bụi*,
NXB Thanh Niên, Hà Nội, 1999



PHẢI BẢO VỆ TỪNG CÀNH CÂY

Hôm ấy, tôi có nhiệm vụ mắc đường dây điện thoại qua vườn Phủ Chủ tịch. Tôi đang trèo lên một cây ở ngay cạnh đường thì nghe có tiếng chân người bước tới. Tôi nhìn về phía đó thì thấy Bác đi tới. Tôi loay hoay định tụt xuống thì Bác đã ra hiệu cho tôi dừng lại. Bác hỏi:

- Cần thận kéo ngã. Chú trèo cây làm gì?

- Thưa Bác, cháu mắc dây điện thoại ạ!

Trong lúc ấy, tay tôi vít chặt làm gãy một cành cây nhỏ. Tôi giật mình nhìn Bác, lo lắng. Bác không nói gì chỉ chú ý xem từng động tác của tôi ra dây, mắc dây vào các cành cây. Sau đó, Bác chỉ ngay một cành cây to ở ngay cạnh chỗ tôi, nói:

- Sao chú không mắc dây vào cành kia, vừa to vừa chắc chắn hơn. Các chú mắc dây cần phải chú ý bảo vệ từng cành cây nhỏ, nếu không làm gì có cây to, cành to mà mắc dây.

Nói xong, Bác đi vào nhà làm việc. Tôi nhìn theo Bác cho đến khi Bác vào hẳn trong nhà. Nhìn vào cành cây vừa gãy, nhìn vào đường dây đang mắc, tôi càng thấy thấm thía lời dạy của Bác.

Về sau, cứ mỗi lần mắc dây qua những hàng cây tôi đều cẩn trọng nâng niu từng cành con, chồi nhỏ.

Trích *Bác Hồ - con người và phong cách*
HỒNG NHUNG ghi (theo lời kể của đồng chí HIỀN)



THẤU HIỂU PHONG TỤC CỦA DÂN TỘC

Có một lần, một đoàn đại biểu phụ nữ Mỹ sang thăm nước ta theo lời mời của Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, đoàn đến vào đúng dịp lễ Nôen. Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ chuẩn bị chiêu đãi đoàn tại khách sạn Thống Nhất. Trước đó, các đồng chí phụ trách Hội đã đến báo cáo với Bác chương trình hoạt động của đoàn và dự kiến một buổi để Bác tiếp. Sau khi nghe báo cáo, Bác hỏi đồng chí phụ trách:

- Các cô định tổ chức chiêu đãi đoàn thế nào?

Đồng chí phụ trách báo cáo với Bác là sẽ chiêu đãi đoàn những món ăn dân tộc của Việt Nam. Ngoài ra trong phòng còn đặt một cây thông Nôen như phong tục của người Mỹ trong ngày lễ này. Nghe xong, Bác cười và bảo:

- Các cô tiếp đoàn bằng những món ăn dân tộc như thế là tốt, nhưng theo Bác biết ở Mỹ thì thường ăn mừng lễ Nôen bao giờ cũng có món thịt gà tây đặt nguyên cả con. Các cô nên làm thêm món đó.

Biết được chi tiết đó, các đồng chí phụ trách đã



cho chuẩn bị đúng như vậy. Trong buổi chiều đăi, tất cả các thành viên trong đoàn phụ nữ Mỹ rất ngạc nhiên và cảm động. Trong khi Chính phủ Mỹ đang gây biết bao tội ác đối với dân tộc Việt Nam mà đoàn lại được những người phụ nữ Việt Nam tiếp đón hết sức ân cần, chu đáo.

Thì ra phong tục trên đây, Bác Hồ biết trong thời gian Người sống và làm việc ở nước Mỹ cách đây hơn 50 năm. Vậy mà đến bây giờ Bác vẫn còn nhớ rất kỹ. Đúng là Bác Hồ không những yêu thương, quý trọng người dân lao động mà còn thấu hiểu cả phong tục, tập quán của những dân tộc các nước mà Bác đã đi qua.

Trích từ sách: *Vũ Kỳ - Thư ký Bác Hồ kể chuyện*,
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.466-467.

CÓ GÌ MÀ VIẾT LẮM THẾ?

Vụ lúa chiêm 1958, miền Bắc hạn to, ruộng đồng khô nẻ. Nhân dân nô nức làm thủy lợi, đào mương dẫn nước vào đồng. Bác Hồ về thăm tỉnh Hưng Yên. Hôm ấy, một ngày tháng giêng, trời rét đậm. Bác Hồ rời Hà Nội thật sớm. Đến huyện Tiên Lữ, có mấy vị lãnh đạo tỉnh chờ sẵn ven đường. Bác xuống xe bắt tay, hỏi han mọi người, rồi băng băng đi bộ vào cánh đồng.

Nông dân năm xã đang đào một con sông. Bác Hồ bước rất nhanh giữa cánh đồng khô, đến mỗi nơi có đồng bào làm Bác dừng lại, thăm hỏi động viên. Bà con hoan hô Bác, Bác xua tay: "Dừng hoan hô Hồ Chủ tịch, hãy hoan hô nước khi nào nước về".

Hễ gặp các vị cao niên là Bác tiến đến thăm hỏi. Có một cụ tên là Đoàn Đình Kiêu, năm ấy 82 tuổi, người thôn Hoàng Xá, xã Trung Dũng cũng tham gia làm thủy lợi. Bác nắm chặt tay cụ, nói: "Tôi cảm ơn cụ đã làm gương cho con cháu". Rồi Bác quay lại bảo cán bộ địa phương đi theo: "Các cụ cùng chống hạn để làm gương cho con cháu như thế là rất tốt, nhưng phải chú ý sức khỏe các cụ, chớ để các cụ làm quá sức".



Gặp ông Chủ tịch huyện quần áo tinh tươm đang đứng chờ để chào Bác, Bác bảo Chủ tịch đưa tay xem. Rồi Bác nói nhỏ: "Tay chú sạch quá. Cán bộ cũng phải cùng lao động với bà con, để cho bà con thấy mình là người của nhân dân".

Đến xã cuối cùng, Bác Hồ dừng lại, rút trong túi ra một phong bì nhỏ. "Đây là phần thưởng của Bác Hồ. Có bảy chiếc huy hiệu tất cả. Năm chiếc tặng bà con năm xã, một chiếc thưởng xã nào thi đua giỏi nhất, còn một chiếc Bác tặng riêng cụ Kiều".

Do mỗi xã phụ trách một khúc sông, cho nên bà con tán mác. Bác Hồ đi bộ đến mấy cây số liền. Tôi tất tưởi theo, lắng nghe Bác nói chuyện với ai xong, lại tới hỏi rõ họ tên, người thôn nào xã nào..., để khi viết bài khỏi lẫn lộn, rồi vội vã chạy cho kịp đoàn.

Hồi ấy tôi đang sức trai mà mệt phờ, nhưng vui vì nghe và ghi được nhiều điều, thú vị nhất là chuyện Chủ tịch Nước đi bộ qua cánh đồng gò ghè nứt nẻ. Con sông đang đào nơi Bác về thăm năm ấy sau khi hoàn thành được đồng bào gọi là "Sông Bác Hồ", nay vẫn giữ nguyên tên.

Tôi hôm ấy về Hà Nội, tôi viết bài tường thuật dài đăng báo *Nhân dân*. Hôm sau, khoảng chín giờ, có điện thoại từ Văn phòng Chủ tịch nước, mời tôi lên ngay. Anh Trần Quý Kiên chờ sẵn. Anh là cán bộ cách mạng lão thành, có thời gian làm Thứ trưởng Thủy lợi (Hiện nay Hà Nội có một phố mang tên Trần Quý

Kiên). Anh chỉ nói vắn tắt: Bác Hồ cho gọi. Anh vào báo cáo với Bác, rồi dẫn tôi vào.

Bác đang làm việc, ngược mắt hỏi: "Chú Quang à? Bác đã đọc bài của chú trên báo. Viết thế là được. Nhưng Bác hỏi chú, trong bài mấy lần chú nhắc đi nhắc lại chuyện Hồ Chủ tịch đi bộ giữa cánh đồng. Vậy ra từ trước tới nay, Bác Hồ toàn đi xe, chưa từng lội bộ bao giờ à? Bác Hồ đi bộ, thì có cái gì mà viết lăm thế?". Tôi bối rối, chỉ còn biết chấp tay lúng búng: "Cháu xin cảm ơn Bác. Cháu đã thấy khuyết điểm. Lần sau cháu xin cố gắng."